

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KINH TẾ XANH TẠI
HUYỆN HẢI HẬU TỈNH NAM ĐỊNH
MÃ SỐ: 13.01.24.F.20

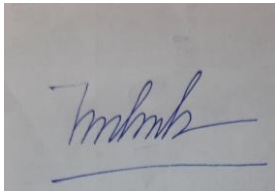
Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Chủ nhiệm đề tài: Trần Đình Trình

Hà Nội – 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KINH TẾ XANH TẠI
HUYỆN HẢI HẬU TỈNH NAM ĐỊNH
MÃ SỐ: 13.01.24.F.20

Chủ nhiệm đề tài



Trần Đình Trình

Trường Đại học
Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Trinh

Hà Nội - 2024

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Đánh giá thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định

- Mã số: 13.01.24.F.20

- Chủ nhiệm đề tài: ThS. Trần Đình Trình

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

- Thời gian thực hiện: Năm 2024

2. Mục tiêu:

Mục tiêu chung: Đánh giá thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định.

Mục tiêu cụ thể:

Thứ nhất, Hệ thống hoá cơ sở lý luận về kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu – Nam Định. để làm sáng tỏ lý thuyết về kinh tế xanh, những yếu tố về môi trường, ô nhiễm,

Thứ hai, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đối với kinh tế xanh; đánh giá tác động của các yếu tố đó đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

3. Tính mới và sáng tạo: Hải Hậu là một trong những huyện có tiềm năng phát triển kinh tế xanh lớn của tỉnh Nam Định. Đề tài Đánh giá thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định sẽ góp phần làm rõ hơn những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh của tỉnh.

4. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài sẽ giúp cụ thể hóa các khái niệm chung về kinh tế xanh vào một địa bàn cụ thể, từ đó đưa ra những đánh giá, phân tích sát thực hơn. đề tài "Đánh giá thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định" không chỉ có ý nghĩa

khoa học mà còn có giá trị thực tiễn rất lớn, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh tại địa phương và cả nước.

5. Sản phẩm:

- Báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp;
- Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế: Developing a green economy towards sustainability: Research in Vietnam in the context of digital transformation.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

- Kết quả của đề tài sẽ được chuyển giao toàn bộ cho Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu khoa học;

- Sản phẩm của đề tài sẽ được chuyển toàn bộ cho Trung tâm Thư viện và Công nghệ Thông tin để lưu trữ và làm tài liệu tham khảo cho cán bộ giảng viên và người học.

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

- Title: Assessing the current status of the green economy in Hai Hau district, Nam Dinh province
- Code: 13.01.24.F.20
- Project manager: Tran Dinh Trinh
- Host organization: Hanoi University of Natural Resources and Environment
- Implementation time: 2024

2. Objective:

General objective: Assess the current status of the green economy in Hai Hau district, Nam Dinh province on that basis, propose solutions to develop green economy in Hai Hau district, Nam Dinh province.

Specific goals:

Firstly, Systematize the theoretical basis of green economy in Hai Hau district - Nam Dinh. to clarify the theory of green economy, environmental factors, pollution,

Second, determine the factors affecting the green economy and the level of influence of those factors on the green economy; Assess the impact of those factors on the green economy in Hai Hau district, Nam Dinh province.

Third, propose solutions to develop green economy in Hai Hau district, Nam Dinh province.

3. Newness and Creativity:

Hai Hau is one of the districts with great potential for green economic development in Nam Dinh province. The project "Assessing the current status of the green economy in Hai Hau district, Nam Dinh province will contribute to clarifying the strengths, weaknesses, opportunities and challenges in the province's transition to a green economy."

4. Research results:

The topic will help concretize general concepts of green economy into a specific area, thereby providing more realistic assessments and analysis. The topic "Assessing the current status of the green economy in Hai Hau district, Nam Dinh province" not only has scientific significance but also has great practical value, contributing to promoting the transition to a green economy in Vietnam. locally and nationally.

5. Product:

- Summary report and synthesis report;
- Developing a green economy towards sustainability: Research in Vietnam in the context of digital transformation.

6. Method of transfer, address of application, impact and benefits of the research results:

The findings of this research will be entirely transferred to the Faculty of Economics, Ha Noi University of Natural Resources and Environment for teaching and research purposes.

The research outputs will be entirely transferred to the Library and Information Technology Center to be stored and used as reference materials for lecturers and students.

MỤC LỤC

| | |
|--|------|
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT | vii |
| DANH MỤC CÁC BẢNG..... | viii |
| PHẦN MỞ ĐẦU | 9 |
| 1. Tính cấp thiết đề tài..... | 9 |
| 2. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội, chính trị tại huyện Hải Hậu năm 2023 - 2024. | 10 |
| 1.1 Tổng quan về kinh tế xanh..... | 28 |
| 1.1.1 Khái niệm và vai trò của kinh tế xanh | 28 |
| 1.1.3 Đặc điểm của kinh tế xanh..... | 39 |
| CHƯƠNG 2: ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP | 47 |
| NGHIÊN CỨU | 47 |
| 2.1 Đối tượng nghiên cứu, phạm vi và phương pháp nghiên cứu..... | 47 |
| 2.1.1. Phương pháp nghiên cứu..... | 47 |
| 2.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu..... | 48 |
| 2.2.1 Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu | 48 |
| 2.2.2 Mô hình và giả thuyết nghiên cứu..... | 49 |
| CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA KINH TẾ XANH TẠI HUYỆN HẢI HẬU – NAM ĐỊNH..... | 52 |

| | |
|--|-----------|
| 3.1 Kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu | 52 |
| 3.1.1 Nhận thức của người dân | 52 |
| 3.1.2. Cam kết của doanh nghiệp | 54 |
| 3.1.3. Đầu tư cho giáo dục đào tạo..... | 55 |
| 3.1.4. Đầu tư cho công nghệ..... | 57 |
| 3.1.5. Khung pháp lý, hệ thống chính sách của Nhà nước..... | 58 |
| 3.2 Đánh giá thực trạng của kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu | 60 |
| 3.2.1 Thực trạng kinh tế xanh | 60 |
| CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH HUYỆN HẢI HẬU..... | 80 |
| 4.1 Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về phát triển kinh tế xanh | 80 |
| 4.2. Bài học kinh nghiệm phát triển kinh tế xanh cho Việt Nam..... | 82 |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| Viết tắt | Giải nghĩa |
|-----------------|---------------------|
| BCH | Ban chấp hành |
| BTV | Ban Thường vụ |
| CBCC | Cán bộ công chức |
| CMKT | Chuyên môn kỹ thuật |
| CV | Công việc |
| CNH | Công nghiệp hóa |
| HĐH | Hiện đại hóa |
| HĐND | Hội đồng nhân dân |
| KN | Kỹ năng |
| LLCT | Lý luận chính trị |
| NN | Nhà nước |
| UBND | Ủy ban nhân dân |

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Nhóm chỉ số đánh giá tăng trưởng kinh tế xanh của OECD

Bảng 2.1. Tốc độ tăng trưởng GDP Hải Hậu giai đoạn 2019-2023

Bảng 2.2. Cơ cấu kinh tế Hải Hậu theo GDP năm 2023

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

Kinh tế xanh (Green Economic) là khái niệm đã trở nên quen thuộc với các nền kinh tế trên thế giới. Đây là một nền kinh tế nhằm cải thiện đời sống con người và tài sản xã hội, đồng thời, chú trọng giảm thiểu những hiểm họa môi trường và sự khan hiếm tài nguyên (Chương trình môi trường Liên Hiệp Quốc, 2010). Hiện nay, kinh tế xanh được hiểu là sự kết hợp giữa 3 yếu tố: kinh tế - xã hội - môi trường. Kinh tế xanh có tính chất bền vững, có nghĩa đó là những hoạt động (trong nền kinh tế) tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị có ích lợi, hướng đến phát triển cuộc sống của cộng đồng xã hội con người (đặc biệt là yếu tố văn hóa); đồng thời, những hoạt động này thân thiện với môi trường (thành tố quan trọng). Ba yếu tố này được cân bằng sẽ thỏa mãn tính bền vững.

Trên thế giới, Kinh tế xanh trong xây dựng nông thôn mới đang trở thành một xu hướng quan trọng, đặc biệt là trong việc tăng cường phát triển nông thôn bền vững. Một số xu hướng đang được các nước trên thế giới quan tâm như: Phát triển năng lượng tái tạo, Tăng cường quản lý tài nguyên, Phát triển hạ tầng xanh... những xu hướng đó tạo ra cơ hội việc làm, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

Tại Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đưa ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó nêu rõ: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”. Định hướng và mục tiêu xanh hóa nền kinh tế cũng được thể hiện qua “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050” với các nhiệm vụ chiến lược là giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy xanh hóa sản xuất, xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững. Hiện nay, “kinh tế xanh” đã được các địa

phương tiếp cận và vận dụng cho từng địa phương và trở thành bước ngoặt cho tiến trình khôi phục và phát triển kinh tế quốc gia và cũng là xu thế tất yếu cho việc thúc đẩy phát triển bền vững tại địa phương.

Đứng trước xu thế này, Việt Nam đã bước đầu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xanh nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, tiến tới việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững. Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, quá trình phát triển kinh tế xanh hiện nay đang bộc lộ nhiều khó khăn, thách thức cần được giải quyết triệt để. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn nghiên cứu “Đánh giá thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định” được tiến hành với mục tiêu là hiểu rõ về thực trạng kinh tế xanh tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Hải Hậu, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế xanh cho cả huyện Hải Hậu.

2. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội, chính trị tại huyện Hải Hậu năm 2023 - 2024.

Nông nghiệp - Thủy sản, Tài nguyên- Môi trường

a. Sản xuất Nông nghiệp - Thủy sản:

- Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp - thủy sản (giá SS 2010) ước đạt 3.810 tỷ đồng (tăng 3,31% so với năm 2022). Giá trị sản phẩm thu hoạch 01 ha đất trồng trọt và diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 215 triệu đồng.

- Trồng trọt: Tổ chức tốt các nhiệm vụ sản xuất vụ Xuân, vụ Mùa và vụ Đông. Tổng diện tích lúa cả năm 19.878 ha, trong đó: vụ Xuân 9.948 ha, năng suất đạt 75,7 tạ/ha; vụ Mùa 9.931 ha, năng suất ước đạt 53,96 tạ/ha; sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 134.166 tấn. Diện tích cây rau màu cả năm đạt 7.308 ha, trong đó: vụ Xuân 2.880 ha, vụ Hè thu 2.650 ha, vụ Đông 1.778 ha. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt năm 2023 đạt 161,5 triệu đồng.

Các nội dung tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021- 2025 được triển khai tích cực hiệu quả¹. Cơ cấu giống tiếp tục

¹ Duy trì hiệu quả 08 mô hình liên kết sản xuất lúa giống, lúa chất lượng cao diện tích đạt 724 ha; Diện tích lúa được bón phân theo hướng hữu cơ, hữu cơ đạt 978 ha; Xây dựng thêm 15 mô hình gieo mạ

được chuyển dịch theo hướng chất lượng gắn với ổn định năng suất; trong cơ cấu giống lúa đã có trên 90% là các giống chất lượng cao; cơ giới hóa các khâu sản xuất lúa ngày càng phát triển (từ làm đất, gieo cấy đến thu hoạch).

Công tác quản lý chất lượng các loại vật tư nông nghiệp thiết yếu được tăng cường. Thị trường giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y được kiểm soát thường xuyên, không để xảy ra tình trạng lưu hành vật tư kém chất lượng trên địa bàn huyện.

- Chăn nuôi: Chăn nuôi trên địa bàn tiếp tục phát triển ổn định, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cơ bản an toàn. Tổng đàn lợn (ước thời điểm 01/01/2024) đạt 99.512 con (bằng 97% so với cùng kỳ năm 2022); đàn gia cầm 1,57 triệu con (tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2022); sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 30.257 tấn (giảm 1,92% so với cùng kỳ năm 2022); giá trị sản phẩm chăn nuôi (giá SS 2010) ước đạt 1.116 tỷ đồng. Toàn huyện có 73 trang trại chăn nuôi (giảm 18 trang trại so với cùng kỳ năm 2022). Kết quả tiêm phòng vụ Xuân và vụ Thu đạt khá². Tái cơ cấu trong lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục được triển khai và áp dụng hiệu quả³.

- Thủy sản: Hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản diễn ra thuận lợi, với diện tích nuôi trồng 3.134 ha (trong đó: nước ngọt 1.833 ha, nước mặn lợ 1.301 ha) và 629 phương tiện khai thác hải sản với tổng công suất trên 100.000 CV, trong đó có 182 tàu khai thác hải sản xa bờ, có trên 2.000 lao động tham gia khai thác. Lượng con giống đã nuôi thả trong năm đạt trên 770 triệu con (tập trung chủ yếu tôm thẻ chân trắng). Tổng sản lượng thủy sản đạt 44.261 tấn

khay- máy cấy, lũy tiến số máy cấy đến nay toàn huyện có 96 chiếc, diện tích cấy bằng máy cấy đạt 2.900 ha; Hình thành mới 12 lò sấy lúa tập trung tại 6 xã; Duy trì 4 chuỗi sản xuất rau, quả theo tiêu chuẩn an toàn, Vietgap; duy trì chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu 255 ha,...

² Kết quả tiêm phòng Vụ Xuân: Tiêm vắc xin dịch tả lợn 28.633 con (đạt 93,9% kế hoạch); tiêm vắc xin LMNM cho đàn trâu, bò, dê, lợn đực giống, lợn nái 8.768 con (đạt 104,1% so với chỉ tiêu kế hoạch); tiêm vắc xin VDNC cho đàn trâu bò 870 con (đạt 103% so với chỉ tiêu kế hoạch), tiêm vắc xin đại cho đàn chó 6.710 con. Vụ Thu: tiêm được 26.273 liều vắc xin cho đàn lợn (đạt 97% chỉ tiêu đợt 1), 8.139 liều vắc xin lở mồm long móng cho đàn lợn nái, lợn đực giống, trâu, bò, dê, 767 liều vắc xin VDNC cho trâu bò (đạt 95,9% chỉ tiêu), 5.910 liều vắc xin Đại cho đàn chó.

³ Gồm: 34 mô hình giảm thiểu chất thải xả ra môi trường, 10 mô hình xây dựng bể lắng và nhà ủ phân, 16 mô hình nhà nuôi lợn tiết kiệm nước, 12 mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận; duy trì có hiệu quả 4 chuỗi chuyên sản xuất trứng gà, trứng vịt, nuôi thỏ và liên kết nuôi lợn theo phương thức gia công tại 22/41 trang trại lợn

(bằng 98,58% kế hoạch và tăng 5,27% so với năm 2022), trong đó: khai thác đạt 22.133 tấn, nuôi trồng đạt 22.128 tấn. Giá trị sản lượng thủy sản (giá SS 2010) đạt 1.193 tỷ đồng (bằng 98,4% kế hoạch và tăng 4,66% so với năm 2022). Tiếp tục duy trì và nhân rộng nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả⁴.

Đã thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển, đặc biệt trong mùa mưa bão. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các chủ tàu cá thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thủy sản năm 2017, các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) và các biện pháp quản lý, giám sát tàu cá. Đến nay toàn huyện có 176/182 tàu khai thác xa bờ đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (6 tàu chưa lắp đặt thiết bị GSHT: 04 tàu đang tạm ngừng hoạt động từ lâu; 02 tàu mới mua từ tỉnh ngoài, hiện đang sửa chữa, chờ thủ tục cấp phép và lắp đặt, kích hoạt thiết bị GSHT). Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng, các điều kiện tiếp đoàn thanh tra EC.

- Toàn huyện có 75 HTX nông nghiệp tại 34 xã, thị trấn⁵, tăng 3 HTX so cùng kỳ năm 2022, trong đó 66 HTX hoạt động tốt và khá. Một số HTX dịch vụ nông nghiệp tích cực mở rộng phương án sản xuất kinh doanh, liên kết với các doanh nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị, đem lại lợi nhuận cao cho các thành viên của HTX.

b. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và TKCN:

- Các ngành, các địa phương triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 19/4/2023 của UBND huyện về tăng cường công tác quản lý đê điều, công trình thủy lợi và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2023.

⁴ Gồm: Mô hình nuôi tôm trong bể với tổng số 670 bể (tăng 330 bể so với cùng kỳ năm 2022); mô hình nuôi tôm trong nhà bạt hiện có 60 ao nuôi với tổng diện tích trên 10 ha (tăng 20 ao nuôi so với cùng kỳ năm 2022); mô hình thuần hóa và nuôi cá vực nước ngọt với quy mô trên 05 ha...

⁵ Gồm: 42 HTX dịch vụ NN; 10 HTX NT thủy sản; 6 HTX SX và CB dược liệu; 4 HTX KT hải sản; 4 HTX chăn nuôi; 4 HTX SX và CB nông sản; 3 HTX dịch vụ môi trường; 2 HTX dịch vụ tổng hợp

- Các nhiệm vụ phòng chống thiên tai và TKCN năm 2023 và các phương án (phương án hộ đê toàn tuyến, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, phương án bảo vệ các trọng điểm phòng chống thiên tai năm 2023⁶) được triển khai đồng bộ, đúng quy định. Hệ thống công trình thủy lợi và các trọng điểm phòng chống thiên tai được tổng kiểm tra trước mùa mưa bão; Tổ chức tốt cuộc diễn tập Phòng chống thiên tai và TKCN tại xã Hải Lý. Các lực lượng chức năng duy trì thực hiện tốt chế độ thường trực PCTT trong mùa mưa bão; Tổ chức tốt các biện pháp ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý, khắc phục các vị trí sạt lở tuyến kè biển trên địa bàn huyện. Tích cực đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh về dự án đầu tư khắc phục, nâng cấp kè du lịch Thịnh Long và một số đoạn đê biển xung yếu.

- Các xã, thị trấn tiếp tục xây dựng, kiện toàn lực lượng xung kích phòng chống thiên tai theo quy định. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai năm 2023.

c. Công tác xây dựng nông thôn mới (NTM):

- Tích cực thực hiện các nội dung phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM năm 2023 và giai đoạn 2021- 2025. Các cơ quan, đơn vị tích cực hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, đô thị văn minh theo kế hoạch. Đến nay, xã Hải An đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022 (nổi trội về lĩnh vực Văn hóa). Có 30/30 xã cơ bản đạt các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu (trừ chỉ tiêu nước sạch); Thị trấn Yên Định, thị trấn Cồn, thị trấn Thịnh Long đạt và cơ bản đạt tiêu chí đô thị văn minh.

- Tổ chức thẩm định, nghiệm thu các tuyến kênh mương qua khu dân cư được xây dựng, kiên cố trong năm 2022⁷. Thẩm định các xóm, tổ dân phố nông thôn mới kiểu mẫu và xóm, tổ dân phố văn hóa kiểu mẫu tiêu biểu - năm 2022.

⁶ 4 trọng điểm gồm: đê, kè Cồn Tròn; đê, kè Hải Thịnh 3; công 1/5 và Bồi Đòng Gò xã Hải Minh.

⁷ Kết quả có 122,1 km kênh mương đủ điều kiện hỗ trợ, trong đó kênh cấp 1, cấp 2 là 59,9 km; chiều dài kênh mương cấp 3 là 62,2 km; vốn tổng kinh phí hỗ trợ là trên 7,86 tỷ đồng.

- Chương trình OCOP tiếp tục được quan tâm, triển khai; Tổ chức đánh giá, phân hạng 29 sản phẩm OCOP huyện Hải Hậu đợt 1 năm 2023, kết quả: 21 sản phẩm đã được UBND huyện công nhận và công nhận lại đạt 3 sao; 7 sản phẩm đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị tỉnh thẩm định, công nhận đạt 4 sao; 01 sản phẩm (Du lịch cộng đồng Ecohost) đề nghị tỉnh thẩm định, lập hồ sơ trình Trung ương công nhận đạt 5 sao. Đến nay toàn huyện có 80 sản phẩm OCOP⁸, trong đó có 4 sản phẩm đạt 4 sao.

d. Quản lý Tài nguyên - Môi trường:

- Tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về đất đai, môi trường; đã ngăn chặn kịp thời cơ bản các trường hợp vi phạm đất đai mới phát sinh tại các địa phương. Tuy nhiên vẫn còn vài nơi để phát sinh mới một số trường hợp vi phạm đất đai.

- Thành lập Hội đồng và Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Hải Hậu. Chỉ đạo hoàn thành đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại 22 xã, thị trấn theo kế hoạch năm 2022, Khu dân cư thương mại Hải Thanh, Khu đô thị Yên Định - Hải Hưng⁹ và 100 lô đất tại 11 xã, 323 lô đất tại 20 xã, thị trấn và 02 lô đất tại khu dân cư thương mại Hải Thanh¹⁰.

- Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất huyện Hải Hậu năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt và phê duyệt bổ sung¹¹; hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn, các cơ quan tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Hoàn thành lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

- Hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất huyện Hải Hậu năm 2024 trình các Sở ngành thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt. Hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn lập hồ sơ Thống kê đất đai năm 2023.

⁸ Đã trừ đi 17 sản phẩm OCOP đã hết thời hạn công nhận nhưng chưa được công nhận lại.

⁹ Kết quả đấu được 306 lô với giá trị trúng đấu giá là 252,9 tỷ đồng.

¹⁰ Kết quả đấu được 203 lô, số tiền trúng đấu giá 131,111 tỷ đồng.

¹¹ Tại các Quyết định của UBND tỉnh: Số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2023; số 1455/QĐ-UBND ngày 26/7/2023; số 1634/QĐ-UBND ngày 18/8/2023; số 1935/QĐ-UBND ngày 03/10/2023; số 2173/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; số 2235/QĐ-UBND ngày 08/11/2023.

- Tiếp tục rà soát, phân loại, lập phương án xử lý những trường hợp vi phạm đất đai và các trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trong năm cấp 1.012 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa, lũy kế đến nay đã cấp đổi được 69.953/80.790 GCN (đạt 86,58%).

- Tích cực và quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ GPMB các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, huyện. Kết quả:

+ Dự án Xây dựng tuyến đường bộ ven biển: Đến ngày 15/5/2023 đã bàn giao toàn bộ mặt bằng cho đơn vị thi công.

+ Dự án Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - Lạc Quân - đường ven biển: Đã hoàn thành GPMB đối với diện tích đất nông nghiệp của các hộ dân và đất công do UBND xã quản lý, dự kiến sẽ bàn giao toàn bộ diện tích trong khu dân cư cho đơn vị thi công trước ngày 30/12/2023.

+ Dự án Xây dựng khu đô thị thương mại Cồn - Văn Lý: Đã giải phóng mặt bằng được khoảng 18/20 ha; bàn giao mặt bằng thi công được 14,09 ha và khởi công dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị từ ngày 23/7. Tiếp tục xử lý vướng mắc và chi trả tiền GPMB cho một số hộ để chuẩn bị bàn giao các diện tích còn lại cho đơn vị thi công.

+ Dự án Xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân đã hoàn thành GPMB, được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Công ty cổ phần phát triển kỹ thuật xây dựng thuê đất để thực hiện dự án.

+ Dự án Xây dựng khu TĐC và khu dân cư tập trung xã Hải Hưng đã thực hiện chi trả tiền cho 147/154 hộ. Diện tích đã GPMB là 93.013,9 m² trình giao đất đợt 1 để thực hiện dự án là: 91.752,9 m².

+ Dự án Xây dựng khu TĐC và khu dân cư tập trung xã Hải Xuân đã thực hiện chi trả tiền cho 27/28 hộ; đã bàn giao 39.801,0 m² đất (đợt 1) cho đơn vị thi công dự án.

+ Dự án Đồn Biên phòng Văn lý (Đồn 92)/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định: Đã phê duyệt phương án BTHT GPMB và tổ chức chi trả tiền BTHT GPMB được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường tại các khu xử lý rác thải sinh hoạt và chợ dân sinh. Các xã, thị trấn thường xuyên tổ chức phong trào tổng vệ sinh môi trường, làm đẹp cảnh quan và tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh các mô hình phân loại, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình. Tổ chức thu phí nước thải công nghiệp đối với 26 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn với số tiền 129,35 triệu đồng.

Phát triển Công nghiệp, Xây dựng, Giao thông, Thương mại và Khoa học công nghệ:

- Các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì ổn định sản xuất kinh doanh. Hiện nay toàn huyện có 35 doanh nghiệp đầu tư tại 3 cụm công nghiệp¹², thu hút trên 8.000 lao động, trong đó có 5 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động hiệu quả. Ngoài ra còn có các doanh nghiệp lớn ở ngoài cụm công nghiệp: Công ty TNHH VIET POWER tại xã Hải Tân, Công ty TNHH Smart Shirt Garments tại xã Hải Hà, Công ty MVE Technology Co, Ltd tại xã Hải Thanh,... Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tiếp tục đổi mới công nghệ sản xuất chuyên dần theo hướng hiện đại, giảm ô nhiễm môi trường. Giá trị sản phẩm ngành công nghiệp (giá SS 2010) ước đạt 7.374 tỷ đồng (tăng 14,74% so với năm 2022).

- Đề xuất bổ sung quy hoạch tỉnh Nam Định và quy hoạch liên vùng Hải Hậu - Giao Thủy các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp¹³. Đã hoàn thiện

¹² Gồm: Cụm công nghiệp Hải Phương 21,2 ha, Cụm công nghiệp Hải Minh 3,9 ha, Cụm công nghiệp Thịnh Long 5,8 ha

¹³ CCN Thịnh Long có diện tích 15,8 ha tại TT. Thịnh Long; CCN Hải Minh có diện tích 5 ha tại xã Hải Minh; CCN làng nghề Hải Vân có diện tích 10,7 ha tại xã Hải Vân; CCN Hải Đông có diện tích 50 ha tại xã Hải Đông,... Khu công nghiệp Nam Hải Hậu I có quy mô 200ha tại xã Hải Đông, Hải Lý; Khu công nghiệp Nam Hải Hậu II có quy mô 100ha tại xã Hải Đông; Khu công nghiệp Hải Nam: Quy mô khoảng 170 ha tại xã Hải Nam; Khu công nghiệp Phúc Hà: Quy mô khoảng 300 ha tại xã Hải

quy hoạch chung 29 xã; tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Định, thị trấn Cồn, thị trấn Thịnh Long đến năm 2040. Tổ chức gắn liền các công trình chào mừng 135 năm ngày thành lập huyện.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư và tiến độ thi công các công trình, dự án trên địa bàn. Tuy nhiên vẫn còn một số dự án bị chậm tiến độ lập thủ tục đầu tư, tiến độ thi công làm ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư. Thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư Dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh và xã Hải Trung; đối với Dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại Hải Trung: UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh: Nhà đầu tư đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chấp thuận Nhà đầu tư theo quy định.

- Hệ thống hạ tầng giao thông tiếp tục được đầu tư nâng cấp, từng bước hoàn thiện. Tổ chức duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông thuộc phạm vi dự án LRAMP; sửa chữa các tuyến đường bị hư hỏng, xuống cấp phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Tổ chức giải tỏa hành lang an toàn giao thông, chỉnh trang, làm đẹp các tuyến đường giao thông, đường làng, ngõ xóm và thực hiện các biện pháp kiềm chế tai nạn giao thông.

- Ngành điện tích cực duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống lưới điện và thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn điện ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

- Hoạt động quản lý thị trường; kiểm tra định kỳ, đột xuất về đăng ký kinh doanh, các điều kiện đảm bảo trong kinh doanh, việc niêm yết giá và phát hiện hàng giả, hàng cấm,... được tăng cường.

- Đã kiểm tra, công nhận 493 sáng kiến kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước năm 2022, Giáo dục và Đào tạo năm học 2022- 2023¹⁴. Hoàn thành dự án “Hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và phát triển thương mại cho các sản phẩm OCOP của huyện Hải Hậu”.

Phúc, Hải Hà; Khu công nghiệp Điện năng Hải Hậu: Quy mô khoảng 300 ha tại xã Hải Ninh và Hải Châu;...

¹⁴ Gồm: 71 sáng kiến kinh nghiệm lĩnh vực quản lý nhà; 422 sáng kiến kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo năm học 2022- 2023.

Tài chính- Ngân hàng

- Nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, các biện pháp quản lý, điều hành ngân sách năm 2023 theo dự toán và các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo và thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm. Tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 1.672,851 tỷ đồng, đạt 100% dự toán tính giao; trong đó số thu thường xuyên từ kinh tế trên địa bàn đạt 675,6 tỷ đồng, đạt 100% dự toán tính giao và bằng 120% so với năm 2022. Tổng chi ngân sách huyện ước đạt 902,408 tỷ đồng, chi ngân sách xã ước 464,740 tỷ đồng.

- Chân chính, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện. Kết quả đã giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách huyện được 136/115 tỷ đồng, bằng 118% kế hoạch.

- Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng và các Quỹ tín dụng đã đảm bảo nguồn tiền mặt cho các nhu cầu chi; đồng thời huy động các nguồn vốn để cho vay, đáp ứng nhu cầu khôi phục, phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ gia đình.

- Trong năm đã cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho 793 hộ với tổng số vốn đăng ký là 80,0 tỷ đồng. Đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 03 Hợp tác xã mới thành lập, 01 Hợp tác xã điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và 01 Hợp tác xã bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Văn hoá - Xã hội

a. Văn hóa, thể thao, du lịch:

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của dân tộc tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho nhân dân. Đặc biệt đã tổ chức thành công kỷ niệm 135 năm thành lập huyện; tổ chức Ngày hội Văn hoá- Thể thao truyền thống năm 2023 với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực, sôi nổi, đã thu hút trên 5.000 vận động viên, diễn viên, nhạc công tham gia thi đấu, biểu diễn. Tổ chức “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân” thu hút trên 18.000 cán bộ, chiến sĩ, đoàn viên, học sinh và người dân

hưởng ứng tham gia; phối hợp với Ủy ban Olympic Việt Nam và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Ngày Olympic - Lễ phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước.

- Các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương được tăng cường, nhất là tuyên truyền, hướng dẫn các nội dung về xây dựng NTM kiểu mẫu, Luật Nghĩa vụ Quân sự, Luật An toàn giao thông...⁽¹⁵⁾. Cơ bản duy trì thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn theo quy định và hướng dẫn của UBND huyện. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào thể dục thể thao quần chúng.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng xóm văn hóa kiểu mẫu, xóm thông minh ở các xã, thị trấn; có 50 xóm, TDP đăng ký xây dựng văn hóa kiểu mẫu tiêu biểu, đã đưa 56 sản phẩm tiêu biểu lên sàn thương mại điện tử; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực, phổ biến kiến thức, kỹ năng số cho các xóm, TDP đăng ký văn hóa kiểu mẫu tiêu biểu. Duy trì và đảm bảo thường xuyên chất lượng hoạt động của Trang thông tin điện tử huyện, đáp ứng tốt yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành của huyện.

- Các nhiệm vụ chuyển đổi số được thực hiện tích cực và đạt kết quả khá; đến nay có 100% TTHC đủ điều kiện thuộc thẩm quyền của huyện; Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (8.341 hồ sơ/8.763 hồ sơ) đạt 95,2%; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đối với hồ sơ TTHC phát sinh phí, lệ phí (748 hồ sơ/785 hồ sơ phát sinh), đạt 95,3%,...

- Hoàn thành xây dựng Đề án phát triển du lịch huyện Hải Hậu đến năm 2030, định hướng 2045. Tiếp tục triển khai thủ tục kêu gọi đầu tư các khu, điểm du lịch. Dịch vụ Bưu chính - Viễn thông, hệ thống thông tin liên lạc tiếp tục duy trì ổn định.

b. Y tế

⁽¹⁵⁾ Kê vẽ trên 3.800m² khẩu hiệu và tranh cổ động, treo trên 600 băng rôn, cờ phướn..., phát động nhân dân treo trên 90.000 lá cờ Đảng, cờ Tổ quốc; tuyên truyền được 370 chương trình thời sự tổng hợp, 2.800 tin, bài.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân; tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp kiểm soát dịch bệnh (dịch sốt xuất huyết, bệnh đau mắt đỏ,...). Trong năm, đã thực hiện khám dự phòng cho trên 294.500 lượt người, khám bệnh tại Trạm y tế xã, thị trấn trên 106.000 lượt người; Bệnh viện Đa khoa huyện đã khám cho trên 258.600 lượt người (đạt 123,1% kế hoạch năm), số bệnh nhân nhập viện trên 40.000 lượt người, thực hiện trên 5.790 ca phẫu thuật, thủ thuật; công suất sử dụng giường bệnh đạt 111,4%.

- Tăng cường công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đã tổ chức kiểm tra, giám sát 855 lượt cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; năm 2023 xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn Công ty TNHH MTV đóng tàu Thịnh Long (không có thương vong về người).

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về bảo hiểm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế để tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân, bảo hiểm xã hội cho mọi người lao động; Tỷ lệ bao phủ BHYT đến 31/12/2023 ước đạt 95,6% dân số.

c. Giáo dục và Đào tạo:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023, tiếp tục trong tốp đầu phong trào giáo dục và đào tạo của tỉnh; Huyện Hải Hậu tiếp tục đạt thành tích cao tại các cuộc thi, hội thi, kỳ thi cấp tỉnh¹⁶; chất lượng giáo dục toàn diện của các cấp học tiếp tục được giữ vững và có tiến bộ; chất lượng được nâng lên

¹⁶ Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo xếp thứ 2/10 đơn vị, đạt giải Nhì toàn đoàn; Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp THCS: Đạt 01 giải Nhất Quốc gia (THCS Hải Đường), 03 giải Nhất tỉnh (THCS Hải Đường, thị trấn Cồn, Hải Sơn), 03 giải Nhì tỉnh (THCS Hải Ninh, Hải Phú, Hải Nam), dẫn đầu toàn tỉnh; Thi học sinh giỏi cấp tỉnh, số giải cá nhân toàn đoàn gồm 06 giải Nhất, 30 giải Nhì, 53 giải Ba và 40 giải khuyến khích; Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh: Toàn đoàn xếp thứ 2; Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp THCS: Đạt 01 giải Nhất Quốc gia (THCS Hải Đường), 03 giải Nhất tỉnh (THCS Hải Đường, thị trấn Cồn, Hải Sơn), 03 giải Nhì tỉnh (THCS Hải Ninh, Hải Phú, Hải Nam), dẫn đầu toàn tỉnh; Tham gia cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” đạt 02 giải Nhì Quốc gia (01 giải Nhì của học sinh THCS Hải Trung và 01 giải Nhì của giáo viên THCS Hải Long); 09 giải Ba quốc gia; Cuộc thi viết với chủ đề “Bác Hồ với Nam Định, Nam Định với Bác Hồ” đạt 01 giải Ba cấp tỉnh; Tham gia Hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh có: 8 học sinh đạt giải (02 giải Nhất; 02 giải Nhì; 02 giải Ba; 02 KK); Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp tỉnh đạt 03 giải Nhất, 03 giải Nhì,...

về phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình, 100% số học sinh lớp 5 hoàn thành các chương trình tiểu học, 99,69% số học sinh tốt nghiệp THCS¹⁷. Phối hợp phục vụ tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2023- 2024 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Kết quả thi lớp 10 THPT: Hải Hậu có 2/10 trường THPT có điểm chuẩn cao nhất tỉnh, có 5/10 học sinh có tổng điểm cao nhất tỉnh. Thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 4, 8. Công tác quản lý, giám sát việc thu chi ở các trường học được tăng cường.

- Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia, chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và là huyện đứng trong tốp đầu của tỉnh; đến nay toàn huyện có 103/103 trường đạt chuẩn Quốc gia lần đầu, trong đó có 73/103 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II¹⁸ và 102/103 trường đạt chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”¹⁹. 34/34 xã có cả 3 cấp học Mầm non, Tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia. Năm 2023 đã công nhận lại 16 trường chuẩn Quốc gia (10 trường đạt chuẩn mức độ 2) và 16 trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo 9 lớp dạy nghề phi nông nghiệp (258 học viên) cho lao động nông thôn theo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới²⁰. Liên kết với các trường Cao đẳng, Trung cấp trong và ngoài địa bàn tỉnh để tổ chức tuyển sinh mở đào tạo 17 lớp nghề trình độ trung cấp với 550 học viên, trong đó các ngành nghề đào tạo gồm: Kỹ thuật nhiệt, Chăm sóc sắc đẹp, Chế biến món ăn, Pha chế đồ uống, Công nghệ thông tin, Công nghệ ô tô, Thương mại điện tử, Hướng dẫn viên du lịch.

d. Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà đối tượng chính sách, người có công, thân nhân liệt sỹ, người nghèo, người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội trong dịp Tết Nguyên đán và ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7; thăm, tặng quà

¹⁷ Loại giỏi đạt 32,12%, khá đạt 45,88%.

¹⁸ Gồm: 8/34 trường Mầm non, 30/34 trường Tiểu học, 35/35 trường THCS

¹⁹ Gồm: 33 trường Mầm non, 34 trường Tiểu học, 35 trường THCS

²⁰ Gồm: Đào tạo nghề May công nghiệp: 8 lớp với 233 học viên; Đào tạo nghề Mộc mỹ nghệ: 1 lớp với 25 học viên.

các cháu thiếu nhi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu. Trong năm đã quyết định trợ cấp xã hội cho 1.913 đối tượng, điều chỉnh mức trợ cấp xã hội cho 455 đối tượng, hỗ trợ mai táng phí cho 718 đối tượng với số tiền 5,16 tỷ đồng; thực hiện chi trả 122,63 tỷ đồng tiền trợ cấp bảo trợ xã hội cho 18.785 đối tượng; chi trả 350 triệu đồng tiền hỗ trợ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo cho 42 trường hợp, 142,5 triệu đồng tiền thực hiện chế độ trang cấp dụng năm 2023 cho 126 đối tượng. Tổ chức điều dưỡng tập trung cho 173 đối tượng; điều dưỡng tại gia đình năm 2023 cho 2.531 đối tượng. Triển khai thực hiện chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội.

- Triển khai điều tra, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025; kết quả tỷ lệ hộ nghèo 1,34%, hộ cận nghèo 3,13% (giảm 1,15%, trong đó hộ nghèo giảm 0,53%, hộ cận nghèo giảm 0,62%), đạt kế hoạch.

- Triển khai thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 theo kế hoạch. Phân bổ nguồn kinh phí 17,246 tỷ đồng cho các đơn vị triển khai thực hiện. Tổ chức 2 lớp dạy nghề nông nghiệp cho 55 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng; tập huấn nâng cao năng lực thực hiện chương trình cho 2.000 đại biểu là Ban xóa đói giảm nghèo ở xóm TDP và Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo ở các xã thị trấn; tổ chức 3 hội nghị tập huấn, tuyên truyền các chuyên đề về nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin truyền thông ở cơ sở năm 2023; xây dựng chuyên mục giảm nghèo về thông tin trên Cổng thông tin điện tử của huyện; Triển khai thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động trên địa bàn huyện,... dự kiến hết năm 2023 giải ngân được trên 1,9 tỷ đồng (= 11%).

Công tác Nội vụ

- Hoàn thành các nội dung trình tại Kỳ họp thường lệ và kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất HĐND huyện²¹. Hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức kỳ họp HĐND nhiệm kỳ 2021- 2026 theo đúng quy định. Ban hành Quy

²¹ Gồm: Kỳ họp thứ 10, thứ 11, thứ 12 HĐND huyện.

chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

- Xây dựng kế hoạch, phương án sáp nhập và tích cực thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã huyện Hải Hậu giai đoạn 2023-2025.

- Ban hành thông báo tuyển dụng và tích cực thực hiện các nhiệm vụ tuyển dụng giáo viên Tiểu học, Mầm non theo kế hoạch. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên THCS, GDTX và nhân viên trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2023.

- Phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội; số lượng người làm việc cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thuộc UBND huyện năm 2023. Kiện toàn, luân chuyển công chức, viên chức quản lý các trường học theo yêu cầu nhiệm vụ và theo quy định. Điều động và bổ nhiệm Chánh Thanh tra huyện.

- Tổ công tác kiểm tra công vụ của huyện thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn trên địa bàn; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và kết quả thực hiện cải cách hành chính ở các địa phương, đơn vị có chuyên biến rõ nét. Từ đầu năm 2023 đến nay, Bộ phận một cửa của huyện tiếp nhận 33.262 hồ sơ, đã giải quyết 32.223 hồ sơ²² (tỷ lệ đúng hạn và trước hạn đạt 100%), còn 1.039 hồ sơ đang trong thời gian giải quyết.

- Phong trào thi đua ở các ngành, lĩnh vực và các xã, thị trấn được duy trì tốt. Xét duyệt, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt thành tích trong các lĩnh vực công tác. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật.

Quốc phòng - An ninh, Nội chính

a. Quốc phòng:

²² Gồm: 8.305 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, 23.918 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Duy trì nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai và TKCN, phối hợp nắm chắc tình hình địa bàn, xử lý kịp thời các tình huống. Tổ chức Lễ giao nhận 414 thanh niên (388 thanh niên thực hiện nghĩa vụ Quân sự, 26 thanh niên thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân) năm 2023 cho 16 đầu mỗi đơn vị nhận quân bảo đảm trang trọng, an toàn, tiết kiệm, đủ chỉ tiêu. Đón nhận 376 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ trở về địa phương. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ công an nhân dân năm 2024; tổ chức sơ tuyển và khám tuyển nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ công an năm 2024.

- Tổ chức triển khai nhiệm vụ công tác giáo dục quốc phòng - an ninh năm 2023. Hoàn thành tốt cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2023. Hoàn thành diễn tập chiến đấu phòng thủ xã trong khu vực phòng thủ năm 2023. Tham gia diễn tập chỉ huy - cơ quan 1 bên, 2 cấp trên bản đồ cùng Sư đoàn BB350. Tổ chức tập huấn, huấn luyện cho các lực lượng theo kế hoạch. Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh cho đối tượng 4. Tổ chức chi trả trợ cấp cho 574 đối tượng 49, 62, dân công hỏa tuyến tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào và Campuchia với số tiền trên 2 tỷ đồng.

- Hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư dự án xây dựng căn cứ Hậu phương và trận địa 12,7mm xã Hải Lý, Hải Bắc.

b. An ninh:

- Trật tự an toàn xã hội: Các nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, an ninh tôn giáo, an toàn giao thông được tăng cường. Trật tự xã hội có chuyển biến tích cực, không để xảy ra tội phạm kiểu xã hội đen, sử dụng vũ khí nóng gây án, không còn địa bàn phức tạp về ma túy, tỷ lệ điều tra khám phá án cao, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Triển khai tích cực các hoạt động trong phong trào toàn dân tham gia tấn công trấn áp tội phạm. Trong năm đã điều tra, xử lý và làm rõ 33/35 vụ phạm pháp hình sự; bắt, vận động đầu thú 2 đối tượng truy nã; bắt, khởi tố 4 vụ phạm tội về công nghệ cao, 8 vụ - 32 đối tượng về cờ bạc, 2 vụ - 3 đối tượng về tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, 2

vụ - 3 đối tượng về pháo nổ; khởi tố 8 vụ về kinh tế, 40 vụ về ma túy; xử lý hành chính 30 vụ về hình sự, 46 vụ về sử dụng trái phép chất ma túy, 27 vụ về pháo nổ, 15 vụ về kinh tế, 9 vụ về môi trường,... Kiểm tra, phát hiện 16 cơ sở kinh doanh vi phạm về đặc danh, 7 cơ sở vi phạm về phòng cháy chữa cháy. Đã giải quyết 165/172 tin báo, tố giác tội phạm, còn lại đang giải quyết theo quy định.

- Trật tự an toàn giao thông: Trong năm đã phát hiện, xử lý hành chính 1.292 trường hợp vi phạm luật Giao thông đường bộ, xử phạt 5,25 tỷ đồng (trong đó xử lý hành chính 645 trường hợp vi phạm nồng độ cồn, phạt tiền 2,96 tỷ đồng), tạm giữ 79 xe ô tô, 775 xe mô tô. Trên địa bàn huyện xảy ra 42 vụ tai nạn giao thông, làm 27 người chết, 24 người bị thương (giảm 02 vụ, 02 người chết, 02 người bị thương so với năm 2022).

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện; kết quả đến nay đã kích hoạt thành công 154.762/193.001 tài khoản định danh điện tử (đạt 80,2% chỉ tiêu tỉnh giao).

- Tổ chức điểm Ngày hội Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2023 tại xã Hải Xuân. Tổ chức hội thao kỹ thuật nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với “Tổ liên gia an toàn PCCC” huyện Hải Hậu năm 2023; diễn tập phương án chữa cháy khu dân cư tại xã Hải Thanh. Toàn huyện đã thành lập 390 đội dân phòng/390 xóm; TDP, 156 tổ liên gia an toàn PCCC; 251 điểm chữa cháy công cộng,...

c. Thanh tra:

- Tiếp tục duy trì Tổ công tác tham mưu giúp Chủ tịch UBND huyện xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; tổ chức các cuộc họp tham vấn ý kiến các ngành nội chính của huyện bàn biện pháp giải quyết dứt điểm một số nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn. Tổ chức tốt công tác tiếp công dân theo quy định; trong năm UBND huyện đã tiếp 112 lượt công dân (61 người,

với 53 vụ việc), tiếp nhận 112 đơn (= 70 vụ việc)²³, trong đó có 13 đơn (= 8 vụ việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, 99 đơn (= 62 vụ việc) thuộc thẩm quyền giải quyết của xã, thị trấn; kết quả đã giải quyết xong 96 đơn (= 61 vụ việc), còn lại 16 đơn (= 9 vụ việc) đang tiếp tục giải quyết theo quy định 24.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chuẩn bị tốt hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán của Thanh tra tỉnh và Kiểm toán Nhà nước khu vực XI. Ban hành, triển khai kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2023. Trong năm 2023 đã triển khai thực hiện 06 cuộc thanh tra và 01 cuộc kiểm tra²⁵. Qua thanh tra kiến nghị thu hồi số tiền 11,2 triệu đồng, kiến nghị giảm trừ giá trị quyết toán công trình số tiền 101,7 triệu đồng.

d. Tư pháp:

Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các lĩnh vực công tác Tư pháp. Công nhận 32/34 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Tăng cường các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hình sự, giao thông, đất đai và các văn bản pháp luật mới ban hành có liên quan đến các nhu cầu thiết yếu của người dân; đã cải chính hộ tịch cho 597 trường hợp, thay đổi hộ tịch cho 11 trường hợp, chứng thực bản sao từ bản chính 351 bản, chứng thực điện tử 314 việc, thực hiện đăng ký khai sinh cho 4.292 trường hợp, hòa giải thành công 74/135 vụ việc,...

3. Mục tiêu nghiên cứu

²³ 01 đơn 01 vụ việc khiếu nại, 11 đơn 05 vụ việc tố cáo, 100 đơn 64 vụ việc kiến nghị, phản ánh.

²⁴ 01 đơn 01 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, 15 đơn 08 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của xã.

²⁵ Gồm: Thanh tra việc quản lý và đầu tư xây dựng công trình trường Tiểu học Hải Sơn; Thanh tra việc thực hiện pháp luật về công tác quản lý và sử dụng đất đai tại xã Hải Sơn; Thanh tra việc chấp hành pháp luật về công tác quản lý tài chính, ngân sách tại thị trấn Thịnh Long; Thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Hải Đường; Thanh tra việc thực hiện pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách tại xã Hải Vân; Thanh tra việc quản lý và đầu tư xây dựng công trình đường giao thông tại thị trấn Cồn; Kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 tại các xã, thị trấn.

Mục tiêu chung: Đánh giá thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định.

Mục tiêu cụ thể:

Thứ nhất, Hệ thống hoá cơ sở lý luận về kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu – Nam Định. để làm sáng tỏ lý thuyết về kinh tế xanh, những yếu tố về môi trường, ô nhiễm,

Thứ hai, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đối với kinh tế xanh; đánh giá tác động của các yếu tố đó đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là Kinh tế xanh
- Phạm vi nghiên cứu: Tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định

5. Kết cấu của Đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Đề tài bao gồm 4 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Hệ thống hoá cơ sở lý luận về kinh tế xanh

Chương 2: Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Đánh giá thực trạng của kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu

Chương 4: Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh huyện Hải Hậu.

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG HOÁ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KINH TẾ XANH

1. Tổng quan về kinh tế xanh

1.1. Khái niệm và vai trò của kinh tế xanh

1.1.1. Khái niệm về kinh tế xanh

Thuật ngữ kinh tế xanh được sử dụng rộng rãi từ năm 2008 trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính và sự cần thiết “kích thích kinh tế xanh” với nhiều định nghĩa khác nhau. Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP, 10/2008) đã đưa ra “Sáng kiến kinh tế xanh”. Năm 2011, Báo cáo “Hướng tới nền kinh tế xanh: Con đường phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo” đưa ra định nghĩa về kinh tế xanh được các tổ chức quốc tế sử dụng rộng rãi, đó là “nền kinh tế xanh giúp cải thiện đời sống và công bằng xã hội, trong khi giảm đáng kể các rủi ro môi trường và khan hiếm nguồn lực sinh thái. Một nền kinh tế xanh có thể được coi là một nền kinh tế có lượng phát thải carbon thấp, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bao trùm xã hội” (UNEP, 2011). Ý nghĩa cốt lõi của kinh tế xanh là tăng trưởng kinh tế đảm bảo đồng thời hai mục tiêu là bảo vệ môi trường sống trong sạch và bền vững.

Ngân hàng Thế giới (WB, 2012b) đưa ra định nghĩa kinh tế xanh là “phát triển kinh tế đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đó giảm thiểu ô nhiễm và tác động đến môi trường, tăng cường khả năng phục hồi trước biến đổi tự nhiên, đẩy mạnh vai trò của quản lý nhà nước về môi trường và nguồn lực tự nhiên trong việc ngăn ngừa các thảm họa từ thiên nhiên”. Tháng 9/2015, Liên hợp quốc công bố chương trình Nghị sự 2030, bao gồm 17 mục tiêu phát triển bền vững nhằm xóa đói giảm nghèo, giảm thiểu bất bình đẳng và bảo vệ hành tinh.

Hiện nay, kinh tế xanh được hiểu là sự kết hợp giữa ba yếu tố: kinh tế (xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phát triển năng lượng sạch, đáp ứng nhu cầu việc làm của người dân và thúc đẩy tăng trưởng...), môi trường (đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững, bảo tồn tài nguyên biển, bảo vệ, tái tạo và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn...) và xã hội (nâng cao chất lượng giáo dục, thu hẹp khoảng cách bất

bình đẳng giới và giảm thiểu bất bình đẳng xã hội...). Kinh tế xanh có tính chất bền vững, có nghĩa là những hoạt động trong nền kinh tế tạo ra lợi nhuận hoặc giá trị có ích lợi, hướng đến phát triển cuộc sống của cộng đồng xã hội con người; đồng thời, những hoạt động này thân thiện với môi trường. 3 yếu tố này được cân bằng sẽ thỏa mãn tính bền vững. Kinh tế xanh là một nền kinh tế cần thiết bởi nó tạo ra việc làm, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, nóng lên toàn cầu, cạn kiệt nguồn tài nguyên và suy thoái môi trường.

Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) đã đưa ra khái niệm về kinh tế xanh: “Là nền kinh tế mang lại phúc lợi cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái”. Đây được coi là định nghĩa chính xác và đầy đủ nhất về kinh tế xanh. Theo đó, kinh tế xanh đơn giản là một nền kinh tế có mức phát thải thấp, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm tính công bằng về mặt xã hội. Trong nền kinh tế xanh, sự tăng trưởng về thu nhập, việc làm thông qua việc đầu tư của Nhà nước và tư nhân cho nền kinh tế làm giảm thiểu phát thải carbon, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học và dịch vụ của hệ sinh thái. Trong khái niệm về kinh tế xanh của UNEP, "kinh tế xanh" là khái niệm đối lập với "kinh tế nâu". Kinh tế xanh không chỉ đặt ra mục tiêu phát triển kinh tế mà còn quan tâm nhiều tới hạnh phúc của con người, công bằng xã hội và các vấn đề môi trường, sinh thái.

Trong nền kinh tế xanh, tài nguyên môi trường là yếu tố quan trọng mang tính chất quyết định đến sự phát triển kinh tế, cải thiện chuỗi giá trị, đem lại sự ổn định và thịnh vượng lâu dài. Bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu được xem là vấn đề then chốt của kinh tế xanh. Nhà nước và khu vực tư nhân tập trung ưu tiên đầu tư vào các hoạt động kinh tế, cơ sở hạ tầng, công trình có tác dụng đảm bảo mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm và phát thải carbon; nâng cao hiệu quả sử dụng tài

nguyên, năng lượng; ngăn ngừa mất đa dạng sinh học và các dịch vụ của hệ sinh thái.

Kinh tế xanh là hoạt động của con người gắn tới gìn giữ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường ngược lại với kinh tế nâu tiêu tốn nhiều nhưng kém hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây tổn hại tới môi trường và tự nhiên. Kinh tế nâu được định nghĩa là “mô hình phát triển kinh tế cũ được áp dụng chủ yếu tại các nước đang phát triển. Đặc điểm của kinh tế nâu là chú trọng vào tăng trưởng GDP và thu nhập bình quân đầu người. Tăng trưởng của kinh tế nâu là dựa trên nguồn tài nguyên sẵn có, phát triển kinh tế đồng nghĩa với khai thác và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên, dẫn đến những hệ lụy: môi trường bị tàn phá nặng nề; cạn kiệt nguồn tài nguyên

Ở Việt Nam, khái niệm “kinh tế xanh” xuất hiện vào năm 2010 sau khi Liên hợp quốc Hội nghị Chương trình Môi trường (UNEP) tại Nairobi, Kenya để chuẩn bị cho Hội nghị thượng đỉnh Rio+20 vào tháng 6 năm 2012 tại Rio de Janeiro, Brazil về “Phát triển bền vững”. Trong quá trình thực hiện chương trình này, Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ và hỗ trợ từ một số quốc gia và cộng đồng quốc tế. Nhờ đó, việc chuyển sang môi trường xanh kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả bước đầu như: Xây dựng và vận hành nhiều công trình các dự án thủy điện nhỏ, năng lượng gió, sử dụng năng lượng mặt trời, tăng cường trồng rừng và tái sinh, kiểm soát hạn chế nạn phá rừng... Cùng với đó, Việt Nam đã đề xuất “tạm thời đóng cửa rừng tự nhiên” để giảm phát thải khí nhà kính (GHG). Xu hướng tất yếu của phát triển bền vững

Mô hình kinh tế xanh đặt tính bền vững và bảo vệ môi trường làm trọng tâm của phát triển kinh tế chứ không chỉ là mục tiêu phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế truyền thống. Trong đó, hệ thống sản xuất và tiêu thụ được thiết kế để sử dụng năng lượng hiệu quả, ưu tiên các nguồn năng lượng tái tạo; Quá trình sản xuất và hoạt động kinh doanh được được thiết kế để giảm ô nhiễm và chất thải, đồng thời tối ưu hóa việc xử lý chất thải; năng lượng tái tạo các nguồn năng lượng như điện gió, điện mặt trời, thủy điện được ưu tiên đầu tư và phát triển phát triển nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch.

Nền kinh tế xanh đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và thúc đẩy phát triển bền vững, mang lại nhiều lợi ích cho môi trường, xã hội và kinh tế. Dưới đây là những vai trò chính của nền kinh tế xanh: Bảo vệ môi trường: Kinh tế xanh nhấn mạnh sự tương tác tích cực giữa kinh tế và môi trường. Nó hỗ trợ sự phát triển bền vững bằng cách giảm thiểu những tiêu cực tác động đến môi trường, giảm chất thải và tăng cường sử dụng các nguồn tài nguyên tái tạo. Nền kinh tế xanh nhấn mạnh sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, môi trường bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng. Mô hình này thường đòi hỏi hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng để đạt được các mục tiêu bền vững. Giảm khí nhà kính: Bằng cách tập trung vào các nguồn năng lượng tái tạo và giảm phát thải, nền kinh tế xanh góp phần vào cuộc chiến chống biến đổi khí hậu bằng cách giảm thiểu lượng khí nhà kính thải vào không khí. Tạo cơ hội kinh doanh mới: Phát triển kinh tế xanh tạo cơ hội kinh doanh mới cơ hội thông qua đầu tư vào các ngành công nghiệp và dịch vụ mới, như năng lượng tái tạo, quản lý nước, xử lý chất thải và sản xuất hàng hóa và dịch vụ bền vững.

Tăng hiệu quả sử dụng năng lượng: nền kinh tế xanh thúc đẩy hiệu quả sử dụng năng lượng thông qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến và thay thế các nguồn năng lượng truyền thống bằng năng lượng tái tạo các nguồn năng lượng. Tạo việc làm mới, đầu tư vào các ngành công nghiệp xanh sẽ tạo ra cơ hội việc làm mới và yêu cầu kỹ năng mới. Điều này có thể giúp cải thiện chất lượng cuộc sống và giảm tỷ lệ thất nghiệp.

Ngoài ra, nền kinh tế xanh còn có thể giúp giảm chênh lệch xã hội bằng cách tạo ra hoạt động kinh doanh và cơ hội việc làm trong cộng đồng, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và thành thị nghèo.

Phát triển bền vững thông qua nền kinh tế xanh còn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội và cung cấp các dịch vụ cơ bản như nước sạch, giáo dục, y tế.

1.1.2 Vai trò của kinh tế xanh tại Việt Nam

Kinh tế xanh đang đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Dưới đây là một

số vai trò nổi bật của kinh tế xanh đối với nền kinh tế nước ta:

Thứ nhất, nền kinh tế xanh ghi nhận các giá trị tự nhiên và vai trò của đầu tư cho vốn tự nhiên. Vốn tự nhiên là các tài nguyên thiên nhiên như rừng, hồ, đất, nước... có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của con người.

Vốn tự nhiên mang lại lợi ích cho nông nghiệp, độ màu mỡ của đất, giá trị đối với sản xuất cây trồng... đặc biệt là nguồn sống của các hộ gia đình nghèo vì sinh kế và an sinh của họ phụ thuộc nhiều vào tự nhiên. Vì vậy, quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh không chỉ ghi nhận và minh chứng cho giá trị của vốn tự nhiên mà còn cho phép đầu tư và xây dựng vốn tự nhiên nhằm hướng tới kinh tế bền vững.

Thứ hai, kinh tế xanh góp phần xóa đói giảm nghèo. Theo kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển, một trong những cơ hội lớn nhất để tăng tốc độ chuyển đổi sang kinh tế xanh là đầu tư vào việc cung cấp, dự trữ nước sạch, những dịch vụ vệ sinh cho người nghèo và năng lượng tái tạo để mang lại hiệu quả kinh tế và là phương tiện xóa đói giảm nghèo cũng như cải thiện chất lượng tổng thể cuộc sống.

Thứ ba, kinh tế xanh tạo ra công ăn việc làm và cải thiện công bằng xã hội. Việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh dẫn đến việc thay đổi cơ cấu việc làm và mức tăng số lượng việc làm.

Để doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh hướng đến sản xuất sản phẩm xanh, sạch, bảo vệ môi trường thì cần đầu tư nguồn nhân lực cho nền kinh tế xanh.

Thứ tư, kinh tế xanh khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ carbon thấp và khuyến khích sử dụng nguồn lực, năng lượng hiệu quả hơn.

Khi tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và đa dạng sinh học suy giảm, ô nhiễm môi trường gia tăng thì việc sử dụng năng lượng tái tạo sẽ giúp giảm phát thải khí nhà kính và những rủi ro về biến động giá nhiên liệu hóa thạch.

Thứ năm, nền kinh tế xanh giảm thiểu phát thải carbon mở ra cuộc sống đô thị bền vững. Việc sử dụng nhiên liệu sạch, cải thiện hiệu quả năng lượng trong

khu vực giao thông chuyển từ các phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng sẽ mang lại nhiều lợi ích to lớn về kinh tế và sức khỏe con người.

Vai trò của kinh tế xanh trong nền kinh tế Việt Nam

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững:

Đa dạng hóa nền kinh tế: Kinh tế xanh mở ra nhiều cơ hội đầu tư vào các ngành công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái, tạo ra các chuỗi giá trị mới và tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Tạo việc làm: Các ngành công nghiệp xanh đòi hỏi nhiều lao động có kỹ năng cao, góp phần giải quyết vấn đề việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

Hạn chế rủi ro: Nền kinh tế xanh có khả năng thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu và các rủi ro môi trường, giảm thiểu thiệt hại kinh tế do các sự kiện cực đoan gây ra.

Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên:

Giảm thiểu ô nhiễm: Kinh tế xanh khuyến khích sử dụng các công nghệ sạch, giảm thiểu lượng khí thải nhà kính và các chất ô nhiễm khác, bảo vệ chất lượng không khí và nguồn nước.

Bảo tồn đa dạng sinh học: Các hoạt động sản xuất và tiêu dùng bền vững góp phần bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học, đảm bảo nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ tương lai.

Quản lý hiệu quả tài nguyên: Kinh tế xanh khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm lãng phí và tăng cường tái chế, góp phần bảo tồn tài nguyên quý giá.

Nâng cao chất lượng cuộc sống:

Môi trường sống lành mạnh: Kinh tế xanh giúp tạo ra một môi trường sống trong lành, sạch đẹp, giảm thiểu các bệnh liên quan đến ô nhiễm môi trường.

An ninh năng lượng: Phát triển năng lượng tái tạo giúp đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhiên liệu hóa thạch.

Cải thiện sức khỏe: Môi trường sống sạch sẽ và lành mạnh góp phần nâng

cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân.

Thúc đẩy hợp tác quốc tế:

Thu hút đầu tư: Việt Nam có thể thu hút các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến các dự án xanh, tạo ra các cơ hội hợp tác kinh tế quốc tế.

Nâng cao uy tín: Việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh giúp Việt Nam khẳng định vị thế là một quốc gia có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1.1.3 Vai trò của kinh tế xanh đối với huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định

Kinh tế xanh đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Dưới đây là những vai trò nổi bật:

Phát triển Nông nghiệp bền vững:

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Hướng tới các loại cây trồng có giá trị cao, thích nghi với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Ứng dụng công nghệ: Giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Phát triển nông nghiệp hữu cơ: Đáp ứng nhu cầu thị trường về sản phẩm sạch và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Phát triển du lịch sinh thái:

Khai thác tiềm năng du lịch: Tận dụng lợi thế về biển, làng nghề và di tích lịch sử để thu hút khách du lịch.

Tạo việc làm: Tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương.

Bảo tồn văn hóa: Giúp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Bảo vệ môi trường:

Giảm thiểu ô nhiễm: Giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước, không khí và đất đai.

Phục hồi hệ sinh thái: Góp phần phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái.

Nâng cao ý thức cộng đồng: Tăng cường ý thức bảo vệ môi trường cho người dân.

Nâng cao Chất lượng Cuộc Sống:

Tăng thu nhập: Tạo ra nhiều cơ hội việc làm, giúp người dân tăng thu nhập.

Môi trường sống tốt: Cải thiện môi trường sống, mang lại không khí trong lành và nguồn nước sạch.

Phát triển bền vững: Đảm bảo sự phát triển bền vững cho các thế hệ tương lai.

1.2 Các công trình nghiên cứu kinh tế xanh tại Việt Nam

1. Đỗ Phú Hải (2018), “ Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý, Tập 34, Số 2 (2018), trang 1-7

Tác giả đã làm sáng tỏ sự tương đồng và sự khác biệt, tính phổ quát và đặc thù trong lý luận phát triển bền vững (PTBV) và tăng trưởng xanh, kinh tế xanh và ứng phó biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp và công cụ chính sách xanh trong quá trình hoạch định, xây dựng và thực hiện chính sách công để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Nghiên cứu về nhóm các công cụ chính sách xanh trong các ngành, lĩnh vực khác nhau là nhu cầu nghiên cứu mới phục vụ mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta hiện nay.

Trong bài viết, tác giả đã cho biết, mặc dù cho đến nay lý thuyết về kinh tế xanh còn đang trong quá trình định hình nhưng nó có nền tảng phát triển từ lý thuyết PTBV, kinh tế học bền vững với khái niệm, cách tiếp cận đặt trọng tâm vào bảo vệ tự nhiên và môi trường sống như là nền tảng cho các hoạt động kinh tế và nâng cao chất lượng sống của con người, đặc biệt là trong bối cảnh ứng phó với BĐKH. Tác giả cho rằng mô hình phát triển hiện nay về kinh tế xanh là lý thuyết về xanh hóa nền kinh tế nêu vón đang để lại những hệ quả, hệ lụy to lớn, nặng nề và nhằm phục hồi, bảo vệ và duy trì nền tảng tự nhiên cho sự phát triển mà vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ tương lai.

2. Lê Xuân Sinh (2024), “Giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế xanh cho các xã đảo tại Việt Nam”, Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam, ISSN 2615-9759

Tác giả khẳng định việc nghiên cứu và xây dựng mô hình kinh tế xanh áp dụng cho xã đảo ven bờ trên cả nước là rất cần thiết nhằm tạo sinh kế bền vững,

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, thu hút người dân bám đảo và di dân từ đất liền ra đảo, đồng thời cũng nêu bật những thách thức và cơ hội gắn liền với mô hình phát triển này. Nhóm nghiên cứu thảo luận và đưa ra nhiều giải pháp khác nhau, bao gồm sản xuất xanh, tiêu dùng xanh và tài chính xanh, để đạt được sự phát triển kinh tế bền vững ở vùng ven biển. Nhóm tác giả cũng nhấn mạnh sự cần thiết của các phương pháp tiếp cận liên ngành và sự tham gia của các bên liên quan trong việc thiết kế và thực hiện các chính sách kinh tế xanh. Bài viết cung cấp các nghiên cứu điển hình về các sáng kiến kinh tế xanh thành công ở Việt Nam, minh họa tính ứng dụng thực tế của các giải pháp này. Các hoạt động hướng đến triển khai các mô hình kinh tế tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, từ đó góp phần cải thiện đời sống của người dân vùng đảo như: phát triển mô hình du lịch ngắm san hô bằng thuyền đáy kính để bảo vệ hệ sinh thái san hô; mô hình massage cá nhằm bảo vệ đàn cá đuối Garra Rufa. Các mô hình này đều giúp phát triển kinh tế cho người dân và có ý nghĩa gắn với các hoạt động bảo vệ các hệ sinh thái biển để người dân nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn vốn tự nhiên phục vụ phát triển bền vững

3. Nguyễn Việt Hương và cộng sự (2020), “ Nền kinh tế xanh ở Việt Nam: Chính sách và thực tiễn”, Tạp chí kinh tế và kinh doanh, Trường Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 28 số 2

Bài viết cung cấp cái nhìn tổng quan về chính sách và thực tiễn kinh tế xanh ở Việt Nam, bao gồm khung pháp lý, chính sách của chính phủ và các sáng kiến của khu vực tư nhân. Các tác giả phân tích những thách thức và cơ hội gắn với phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, như nhu cầu cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các tác giả cũng cung cấp các nghiên cứu điển hình về các sáng kiến kinh tế xanh thành công ở Việt Nam, bao gồm phát triển năng lượng tái tạo, nông nghiệp bền vững và du lịch sinh thái. Bài viết là nguồn thông tin quý giá cho các nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu và những người đang tìm cách thúc đẩy phát triển bền vững và bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Nó cung cấp cái nhìn sâu sắc về mối tương tác phức tạp giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội trong bối

cảnh phát triển nền kinh tế xanh.

4. Nguyễn Thị Thu Trang và cộng sự (2020), “Phát triển bền vững ở nông thôn: Đánh giá về nền kinh tế ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học nông nghiệp, Học viện nông nghiệp Việt Nam, tập 2 số 1 Nhóm tác giả đưa ra các đánh giá về chính sách và thực tiễn kinh tế xanh ở Việt Nam, tập trung vào phát triển nông thôn. Tổng quan về khuôn khổ pháp lý và chính sách của Chính phủ trong hỗ trợ phát triển kinh tế xanh ở nông thôn. Các tác giả phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và mối đe dọa liên quan đến phát triển nền kinh tế xanh ở khu vực nông thôn, bao gồm nhu cầu cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội. Họ cũng cung cấp các nghiên cứu điển hình về các sáng kiến kinh tế xanh thành công ở khu vực nông thôn, như phát triển nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo và du lịch sinh thái.

5. Eu rural review 23 (2017), “Green Economy - Opportunities for Rural Europe”, Tạp chí nông thôn EU, số 23, ISSN: 1831-5321

Số này của Tạp chí Nông thôn của Liên minh Châu Âu khám phá một số cách giúp cho vùng nông thôn của Châu Âu vừa phát triển được kinh tế lại vừa đáp ứng được sự phát triển bền vững của ba mặt kinh tế - xã hội – môi trường. Nội dung số này đặc biệt nêu bật một số cơ hội cụ thể cho các khu vực nông thôn từ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, bao gồm cả sự chuyển đổi sang nền kinh tế thấp carbon và nông nghiệp, lâm nghiệp bền vững hơn. Nó cũng xem xét các khía cạnh thực tế của các dự án nền kinh tế xanh và cách hợp tác có thể giúp cho khu vực nông thôn cải thiện kết quả tốt nhất. Trong toàn bộ nội dung, nó xem xét cách mà các Chương trình Phát triển Nông thôn (RDPS) có thể hỗ trợ tốt nhất cho những cố gắng trong những lĩnh vực này.

6. Công trình nghiên cứu *Nông nghiệp và Môi trường, nhận thức về phát triển nông thôn bền vững* (Agriculture and Environment, Perspectives on Sustainable Rural Development), của Ernst Lutz, World Bank [31]. Công trình này đã khuyến cáo các quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển rằng: Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phải đặc biệt coi trọng việc gắn kết hài hòa giữa phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân với việc giữ gìn và

bảo vệ môi trường, nhất là môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí và môi trường rừng. Các quốc gia chỉ có thể đạt được sự thành công trong phát triển kinh tế- xã hội khu vực nông thôn khi và chỉ khi đi theo hướng phát triển bền vững.

7. Công trình nghiên cứu *Phát triển bền vững: Các khái niệm và sự ưu tiên, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc* (Sustainable development: Concepts and Priorities, United Nations Development Programme) của Sudhir Anand và Amartya Sen [42]. Tác giả đã đưa ra một nhận định tương đối đầy đủ về phát triển bền vững. Theo đó “Phát triển bền vững cần được hiểu một cách toàn diện, đầy đủ trên cả 3 khía cạnh là: tăng trưởng kinh tế ổn định, thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội, khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nâng cao chất lượng cuộc sống con người”. Đồng thời, tác giả chú trọng đến yếu tố sử dụng hợp lý đất đai, bảo vệ rừng và nguồn tài nguyên nước, tiết kiệm năng lượng và giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, và cho rằng đây là những điểm cốt lõi cần quan tâm để đảm bảo phát triển bền vững. Nghiên cứu này cung cấp cách nhìn toàn diện về phát triển bền vững, trong đó chú trọng một số yếu tố cốt lõi, ưu tiên hàng đầu như bảo vệ môi trường, xoá đói giảm nghèo.

8. Công trình *Phát triển bền vững là gì? Xây dựng bộ công cụ chuẩn về phát triển bền vững* (Is the concept of sustainable development - developing sustainable development benchmarking tool) của Lucian Cernar và Julien Gourdon [36]. Tác giả đã sử dụng các chỉ số định lượng để đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch. Phương pháp này được gọi là công cụ chuẩn về du lịch bền vững (The sustainable tourism benchmarking tool – viết tắt là STBT). STBT đánh giá tính bền vững của du lịch dưới 4 lĩnh vực: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và sinh thái, bền vững về hạ tầng và sức hút. Trong từng lĩnh vực cụ thể, tác giả lần lượt đề ra các chỉ tiêu cụ thể để lượng hóa thông tin. Trên cơ sở nghiên cứu này, tác giả đã tham khảo để phân tích, đánh giá tính bền vững của du lịch Đà Nẵng thông qua các chỉ tiêu cụ thể.

9. Công trình nghiên cứu “*Quan niệm và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội tốc*

độ nhanh, bền vững, chất lượng cao ở Việt Nam” của TS. Đinh Văn Ân [1]. Công trình nghiên cứu này đã hệ thống hóa và đưa ra quan niệm về phát triển bền vững kinh tế- xã hội của một quốc gia. Trên cơ sở đó, công trình đã đi sâu nghiên cứu, phân tích thực trạng phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam những năm đã qua, chỉ ra những gì là phù hợp với phát triển bền vững, những gì là chưa phù hợp, thậm chí đi ngược lại với phát triển bền vững và kiến nghị các giải pháp nhằm phát huy những mặt tốt và khắc phục những mặt còn hạn chế nhằm tạo điều kiện cho kinh tế- xã hội của Việt Nam phát triển ngày càng bền vững hơn.

10. Công trình nghiên cứu *“Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam (Thời kỳ 2011-2020)”* của PGS.TS Bùi Tất Thắng [22]. Công trình nghiên cứu này đã tập trung phân tích các lý thuyết về phát triển nhanh và bền vững của các học giả trên thế giới. Trên cơ sở đó đưa ra khái niệm về phát triển nhanh và bền vững, cũng như các tiêu chí đánh giá đối với nó có cơ sở khoa học và phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

11. Đề tài khoa học cấp bộ *“Phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020”* PGS.TS Ngô Thắng Lợi [9]. Công trình nghiên cứu này đã cho thấy, nhờ sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, sự nỗ lực to lớn của các địa phương trên địa bàn, thời gian vừa qua kinh tế- xã hội của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (trong đó có ngành du lịch) đã có sự phát triển khá tốt, nhất là trên các mặt: tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế (cả cơ cấu ngành, nội bộ ngành, cơ cấu lao động, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần kinh tế), mạng lưới kết cấu hạ tầng và thu hút vốn đầu tư ở trong và ngoài nước. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã trở thành trung tâm kinh tế- chính trị- đào tạo nguồn nhân lực- khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ cho khu vực phía Bắc và cả nước.

1.3 Đặc điểm của kinh tế xanh

Nền kinh tế xanh là một mô hình phát triển kinh tế hướng tới sự bền vững, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, những yếu tố cần thiết nếu thế giới chuyển sang các thỏa thuận kinh tế thân thiện với môi trường hơn trong tương lai. Dưới đây là một số đặc điểm chính của nền kinh tế xanh:

Tập trung vào hiệu quả sử dụng tài nguyên

Các chính sách kinh tế xanh đặt ra yêu cầu tối đa hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên trong tất cả các lĩnh vực, bao gồm cả lĩnh vực giao thông vận tải. Máy bay, tàu hỏa, xe buýt, ô tô cá nhân và các hình thức vận chuyển khác phải sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo ít tác động đến môi trường hơn nhiên liệu hóa thạch.

Kiến trúc và xây dựng bền vững là một cách quan trọng khác để đạt được hiệu quả sử dụng năng lượng và ổn định môi trường. Ngoài ra, ở cấp độ kinh tế, việc phát triển các tòa nhà mới như thế này có thể kích thích toàn bộ nền kinh tế.

Năng lượng sạch có lẽ là nguồn tài nguyên đặc trưng cần thiết để đạt được nền kinh tế xanh. Ngoài việc cung cấp năng lượng cho giao thông vận tải thông qua năng lượng tái tạo, các tập đoàn cũng cần phải đại tu quy trình sản xuất và sản xuất của mình để sử dụng nguồn nhiên liệu bền vững hơn. Tiết kiệm năng lượng: Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng. Quản lý nước hiệu quả: Giảm thiểu lãng phí nước, tái chế nước thải. Giảm thiểu chất thải: Tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường. Sử dụng nguyên liệu tái sinh: Ưu tiên sử dụng các nguyên liệu có thể tái tạo thay thế cho các nguyên liệu hóa thạch.

Quản lý tài nguyên bền vững

Trong nền kinh tế xanh, mọi người luôn cảnh giác với chất thải để giảm thiểu tối đa. Bằng cách tái chế tài nguyên và hướng tới sự bền vững tối đa, các chủ thể kinh tế đều có thể góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh thực sự với tầm nhìn hướng tới tương lai. Chuyển đổi sang nền kinh tế ít carbon: Giảm thiểu lượng khí thải carbon dioxide và các khí nhà kính khác. Phát triển giao thông công cộng: Khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, xe đạp, đi bộ để giảm lượng khí thải từ phương tiện cá nhân.

Bảo vệ đa dạng sinh học:

Bảo tồn hệ sinh thái: Bảo vệ rừng, biển, các vùng đất ngập nước và các hệ sinh thái khác.

Ngăn chặn mất đa dạng sinh học: Giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt

động kinh tế đến đa dạng sinh học.

Đầu tư vào công nghệ xanh:

Phát triển và ứng dụng công nghệ mới: Khuyến khích nghiên cứu và phát triển các công nghệ xanh, thân thiện với môi trường.

Chuyển đổi số: Áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu lãng phí và theo dõi môi trường.

Tạo việc làm xanh:

Phát triển các ngành công nghiệp xanh: Tạo ra các cơ hội việc làm mới trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, quản lý môi trường, nông nghiệp hữu cơ...

Nâng cao kỹ năng cho lao động: Đào tạo lại lao động để thích ứng với nền kinh tế xanh.

Công bằng xã hội:

Đảm bảo công bằng trong phân phối lợi ích: Đảm bảo rằng lợi ích của nền kinh tế xanh được chia sẻ rộng rãi cho tất cả mọi người.

Giảm thiểu bất bình đẳng: Giảm thiểu bất bình đẳng về thu nhập và cơ hội.

2. Nội dung của Kinh tế xanh

Kinh tế xanh là một mô hình phát triển kinh tế hướng tới sự bền vững, kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và đảm bảo công bằng xã hội. Nói một cách đơn giản, đó là một nền kinh tế ít carbon, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bao trùm xã hội.

Các yếu tố cốt lõi của Kinh tế Xanh:

Ít carbon: Giảm thiểu lượng khí thải nhà kính, chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo, và áp dụng các công nghệ sạch. Giảm thiểu lượng khí thải nhà kính. Trong cuộc sống hàng ngày: Tiết kiệm năng lượng: Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng bóng đèn LED, điều chỉnh nhiệt độ điều hòa hợp lý. Sử dụng phương tiện công cộng: Giảm thiểu việc sử dụng xe cá nhân, ưu tiên đi bộ, đạp xe hoặc sử dụng phương tiện công cộng. Giảm thiểu rác thải: Tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu lượng rác thải sinh hoạt. Chọn thực phẩm bền vững: Ưu tiên các sản phẩm địa phương, hữu cơ và giảm tiêu thụ thịt. Trong sản xuất và kinh doanh: Nâng cao hiệu quả năng lượng: Áp dụng các công nghệ mới để

giảm tiêu thụ năng lượng trong sản xuất. Chuyển đổi sang năng lượng sạch: Sử dụng năng lượng mặt trời, gió, thủy điện thay thế cho nhiên liệu hóa thạch. Quản lý chất thải: Xử lý chất thải một cách hiệu quả, giảm thiểu lượng khí thải phát sinh từ quá trình xử lý. Chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo: Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo: Đầu tư vào các dự án năng lượng mặt trời, gió, thủy điện, địa nhiệt. Hỗ trợ các chính sách khuyến khích: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc lắp đặt các hệ thống năng lượng tái tạo tại các hộ gia đình và doanh nghiệp. Nghiên cứu và phát triển công nghệ: Đầu tư vào nghiên cứu để nâng cao hiệu quả và giảm chi phí của các công nghệ năng lượng tái tạo. Áp dụng các công nghệ sạch: Công nghệ xanh trong sản xuất: Sử dụng các công nghệ sản xuất sạch hơn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Công nghệ giao thông xanh: Phát triển các phương tiện giao thông điện, xe hybrid và các hệ thống giao thông thông minh. Công nghệ xử lý nước thải: Áp dụng các công nghệ hiện đại để xử lý nước thải, bảo vệ nguồn nước.

Sử dụng tài nguyên hiệu quả: Tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu lãng phí, và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên: Nâng cao hiệu quả sản xuất: Áp dụng các công nghệ tiên tiến để giảm thiểu lượng nguyên liệu đầu vào và năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất. Tối ưu hóa chuỗi cung ứng: Xây dựng các chuỗi cung ứng ngắn hơn, giảm thiểu vận chuyển và lãng phí. Quản lý nguồn nước hiệu quả: Tiết kiệm nước trong sinh hoạt và sản xuất, xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản: Khai thác các nguồn tài nguyên một cách có kế hoạch, tránh khai thác bừa bãi và gây ra hậu quả nghiêm trọng cho môi trường.

Giảm thiểu lãng phí: Tái chế: Tái chế tối đa các vật liệu có thể tái chế như giấy, nhựa, thủy tinh, kim loại. Tái sử dụng: Tìm cách sử dụng lại các sản phẩm cũ, thay vì vứt bỏ. Giảm bao bì: Hạn chế sử dụng bao bì không cần thiết, ưu tiên các sản phẩm có bao bì thân thiện với môi trường. Phân loại rác: Phân loại rác thải tại nguồn để thuận tiện cho việc tái chế và xử lý.

Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn: Thiết kế sản phẩm bền vững: Thiết kế các sản phẩm có tuổi thọ cao, dễ sửa chữa và tái chế. Khuyến khích kinh doanh tuần hoàn: Hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình kinh doanh tuần hoàn, tạo ra giá trị từ chất thải. Xây dựng hệ thống thu gom và tái chế hiệu quả: Đầu tư vào cơ sở hạ tầng để thu gom và xử lý chất thải một cách hiệu quả.

Bao trùm xã hội: Đảm bảo rằng lợi ích của sự phát triển kinh tế được chia sẻ rộng rãi, tạo ra việc làm xanh và cải thiện chất lượng cuộc sống cho mọi người.

Phân tích và mở rộng ý tưởng "Bao trùm xã hội" Ý tưởng "bao trùm xã hội" nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo rằng lợi ích từ sự phát triển kinh tế được phân phối một cách công bằng và toàn diện đến mọi tầng lớp xã hội. Đây không chỉ là một mục tiêu kinh tế mà còn là một mục tiêu xã hội, nhằm xây dựng một xã hội phát triển bền vững và thịnh vượng.

Các khía cạnh chính của "bao trùm xã hội": Chia sẻ lợi ích rộng rãi: Giảm bất bình đẳng: Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, đảm bảo mọi người có cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng như giáo dục, y tế, nhà ở. Phát triển khu vực nông thôn: Đầu tư vào cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện để nông dân phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập. Bảo vệ nhóm yếu thế: Quan tâm đến các nhóm dễ bị tổn thương như người già, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ. Tạo việc làm xanh: Chuyển đổi sang nền kinh tế xanh: Khuyến khích các ngành công nghiệp thân thiện với môi trường, tạo ra việc làm mới. Đào tạo nguồn nhân lực: Đầu tư vào đào tạo để trang bị cho người lao động những kỹ năng cần thiết cho nền kinh tế xanh. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Tạo điều kiện để các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, góp phần tạo việc làm. Cải thiện chất lượng cuộc sống: Môi trường sống lành mạnh: Bảo vệ môi trường, cung cấp nước sạch, không khí trong lành. Dịch vụ công chất lượng: Đảm bảo mọi người được tiếp cận với các dịch vụ công chất lượng cao như giáo dục, y tế, giao thông. An sinh xã hội: Xây dựng hệ thống an sinh xã hội vững chắc để bảo vệ người dân trước những rủi ro.

Các giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu "bao trùm xã hội": Chính sách kinh tế - xã hội: Tiến bộ: Thực hiện các chính sách tiến bộ như tăng thuế thu

nhập cá nhân đối với người giàu, giảm thuế cho người nghèo. Phân phối lại thu nhập: Tăng cường các chương trình an sinh xã hội, trợ cấp cho người nghèo. Đầu tư vào giáo dục và đào tạo: Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Phát triển doanh nghiệp: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận vốn. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp xanh: Cung cấp các ưu đãi về thuế, đất đai cho các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành công nghiệp thân thiện với môi trường. Phát triển cộng đồng: Empowerment: Tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Phát triển nông thôn: Đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông thôn, hỗ trợ nông dân tiếp cận công nghệ mới. Bảo vệ môi trường: Chuyển đổi năng lượng: Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, giảm thiểu khí thải. Quản lý chất thải: Xử lý chất thải hiệu quả, bảo vệ môi trường.

Bảng 1.1 Nhóm chỉ số đánh giá tăng trưởng kinh tế xanh của OECD

| STT | NHÓM CHỈ SỐ | NỘI DUNG BAO HÀM | CHỈ SỐ ĐỀ XUẤT |
|-----|--|--|--|
| 1 | Hiệu suất sử dụng năng lượng, năng suất nhân tố tổng hợp | Nồng độ cacbon và năng suất sử dụng năng lượng .TFP | Lượng khí thải CO2 trên mỗi đơn vị GDP Năng suất năng lượng trên mỗi đơn vị GDP Cơ cấu sử dụng năng lượng theo ngành kinh tế TFP |
| 2 | Môi trường tự nhiên | Tài nguyên tái tạo: Nước rừng, thủy sản Tài nguyên không tái tạo, khoáng sản Đa dạng sinh học và hệ sinh thái | Khả năng tái tạo lượng và chất nước Diện tích, trữ lượng, trạng thái rừng theo thời gian Tỷ lệ trữ lượng cá trong giới hạn an toàn về môi trường Tỷ lệ khai thác/ trữ lượng khoáng sản Tình trạng đất canh tác, đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi xói mòn, nhiễm mặn... |
| 3 | Chất lượng môi trường sống | Tác động của môi trường đối với sức khỏe con người | Tình trạng bệnh tật trong môi trường ô nhiễm và chi phí y tế liên quan Tỷ lệ dân số sống trong vùng ô nhiễm không khí Tỷ lệ dân số được tiếp cận bền vững nguồn nước an toàn |

| STT | NHÓM CHỈ SỐ | NỘI DUNG BAO HÀM | CHỈ SỐ ĐỀ XUẤT |
|-----|---|---|--|
| 4 | Cơ hội kinh tế và sự phù hợp của chính sách | <p>Công nghệ và đổi mới</p> <p>Sản phẩm, dịch vụ môi trường</p> <p>Dòng tài chính quốc tế</p> <p>Các quy định và phương pháp tiếp cận quản lý</p> | <p>Chỉ tiêu cho R&D: năng lượng tái tạo; công nghệ môi trường...</p> <p>- % giá trị gia tăng của khu vực sản phẩm, dịch vụ môi trường/GDP</p> <p>Đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực xanh</p> <p>- Cơ cấu, mức thuế liên quan đến môi trường</p> |
| 5 | Bối cảnh kinh tế xã hội và đặc điểm của tăng trưởng | <p>.- Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế</p> <p>- Năng suất và thương mại</p> <p>- Thị trường lao động, giáo dục và thu nhập</p> <p>- Tình hình nhân khẩu - xã hội</p> | <p>.- GDP và cơ cấu GDP</p> <p>- Xuất khẩu + nhập khẩu/GDP</p> <p>- Năng suất lao động</p> <p>- Chỉ số năng lực cạnh tranh</p> <p>- Chỉ số giá tiêu dùng</p> <p>- Giá thực phẩm; dầu thô; khoáng sản, quặng và kim loại</p> <p>- Tỷ lệ thất nghiệp/dân số trong độ tuổi lao động</p> <p>- Cấu trúc và mật độ dân số</p> <p>- Hệ số GINI; HDI</p> <p>- Trình độ học vấn: mức độ tiếp cận với giáo dục</p> |

CHƯƠNG 2: ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

2.1.1 Đối tượng nghiên cứu: Kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

2.1.2 Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi không gian: Trên địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

Phạm vi thời gian: từ năm 2019-2024

Phạm vi nội dung: Nghiên cứu thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

2.1.3 Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng kết hợp cả 2 phương pháp nghiên cứu là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng với quy trình như sau:

- Nghiên cứu định tính: Tác giả đã tiến hành thu thập thông tin từ một số nhóm đối tượng khác nhau, bao gồm (1) lấy ý kiến chuyên gia (các nhà nghiên cứu chính sách, các nhà khoa học, các giảng viên trong lĩnh vực kinh tế xanh), và (2) lấy ý kiến từ các cán bộ công tác tại phòng ban của huyện, lấy ý kiến các hộ gia đình. Thông tin được thu thập qua việc tổ chức phỏng vấn cá nhân. Ở Việt Nam, những nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế xanh chưa được tiến hành nhiều, vào thời điểm tiến hành nghiên cứu này, nên thiếu những lý thuyết được hoàn thiện. Thêm vào đó, trình độ phát triển của kinh tế xanh cũng như tâm lý kinh tế xanh Việt Nam cũng khác xa nhiều so với các nước phát triển, do vậy, nghiên cứu định tính là cần thiết để xác định các biến chi phối cũng như sự phù hợp của các thang đo trong bối cảnh Việt Nam và định hướng trong thiết kế bảng hỏi.

- Nghiên cứu định lượng: Tác giả thực hiện điều tra có sử dụng bảng hỏi, với mẫu điều tra gồm 300 phiếu điều tra (Đề tài lựa chọn mẫu ngẫu nhiên thông qua danh sách các cán bộ, và hộ gia đình, sau đó tiến hành gửi phiếu trực tiếp. Các cán bộ tham gia công tác tại các phòng ban chủ yếu là phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, phòng Tài nguyên và môi trường các các bộ chuyên trách, và hộ gia đình tại các xã trên địa bàn huyện Hải Hậu.

Một số biến số được sử dụng từ các thang đo đã được các tác giả quốc tế phát triển. Tất cả các câu hỏi được kiểm tra, điều chỉnh để thích hợp với bối cảnh Việt Nam. Một số biến số (là các biến đặc thù đối với kinh tế xanh) và thang đo được xây dựng sau khi tiến hành phỏng vấn các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế xanh. Tất cả các thang đo đều được kiểm định độ tin cậy trước khi xử lý và phân tích dữ liệu.

- Nghiên cứu định tính một lần nữa được thực hiện nhằm cung cấp dữ liệu sống động, phong phú về kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, điều này giúp giải thích kết quả nghiên cứu một cách sâu sắc hơn.

2.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu

2.2.1 Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu

Kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu chịu tác động của nhiều yếu tố, cả nội tại và ngoại tại. Dưới đây là một số nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế xanh tại địa phương này:

Các nhân tố nội tại

Tài nguyên thiên nhiên:

Đất: Đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng... là tài sản quý giá để phát triển nông nghiệp hữu cơ, nuôi trồng thủy sản bền vững.

Nước: Hệ thống sông ngòi, kênh rạch, biển cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, chất lượng nước cũng ảnh hưởng đến sản xuất và môi trường.

Sinh vật: Đa dạng sinh học phong phú là cơ sở để phát triển du lịch sinh thái, nuôi trồng thủy sản.

Điều kiện tự nhiên:

Khí hậu: Khí hậu nhiệt đới gió mùa ảnh hưởng đến các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp.

Địa hình: Địa hình chủ yếu là đồng bằng, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Con người:

Nhân lực: Chất lượng nguồn nhân lực, trình độ dân trí, ý thức bảo vệ môi

trường.

Văn hóa: Văn hóa sản xuất, kinh tế, lối sống của người dân có ảnh hưởng lớn đến việc áp dụng các mô hình sản xuất xanh.

Chính sách:

Chính sách phát triển nông nghiệp: Các chính sách hỗ trợ chuyển đổi sang nông nghiệp hữu cơ, nuôi trồng thủy sản bền vững.

Chính sách bảo vệ môi trường: Các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học.

Hạ tầng:

Hạ tầng giao thông: Hệ thống giao thông thuận lợi giúp vận chuyển sản phẩm đến thị trường, thu hút đầu tư.

Hạ tầng thủy lợi: Hệ thống thủy lợi đảm bảo nước tưới tiêu cho nông nghiệp.

Các nhân tố ngoại tại

Thị trường:

Nhu cầu thị trường: Nhu cầu về sản phẩm sạch, hữu cơ ngày càng tăng.

Giá cả: Giá cả sản phẩm hữu cơ, sản phẩm từ kinh tế xanh thường cao hơn so với sản phẩm truyền thống.

Công nghệ:

Công nghệ sản xuất: Áp dụng công nghệ mới vào sản xuất giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Tài chính:

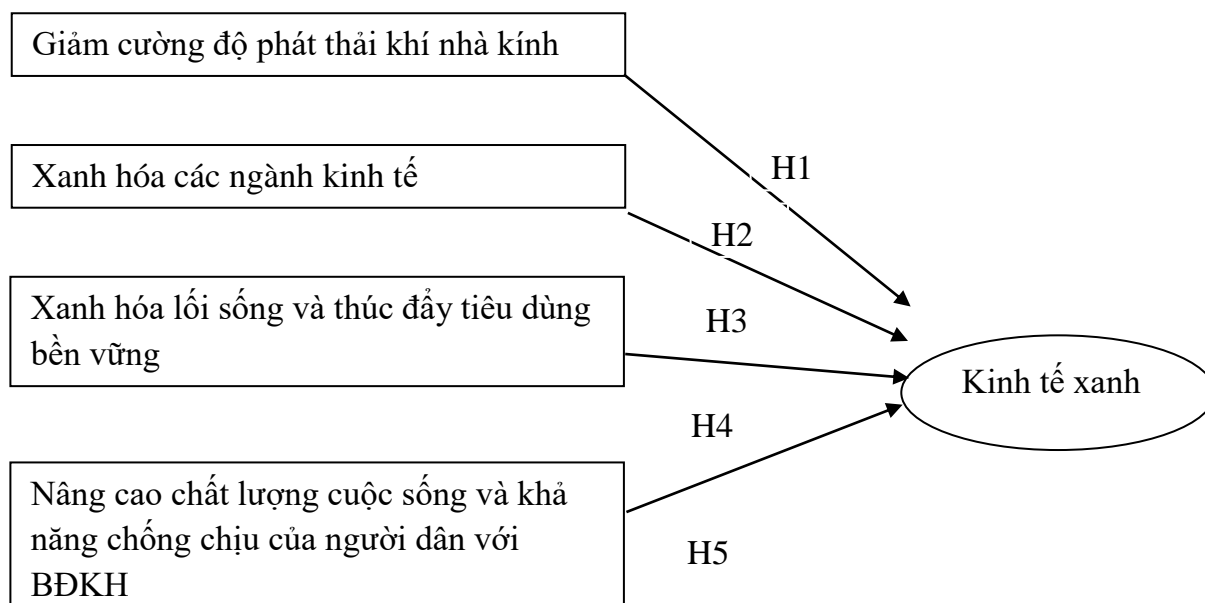
Vốn đầu tư: Cần nguồn vốn lớn để đầu tư vào các dự án kinh tế xanh.

Chế độ tín dụng: Các chính sách tín dụng ưu đãi hỗ trợ doanh nghiệp và người dân đầu tư vào kinh tế xanh.

2.2.2 Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

- Mô hình nghiên cứu

Hình 1.1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Đề xuất của tác giả năm 2024

- **Các giả thuyết nghiên cứu**

Giả thuyết H1: Cường độ phát thải khí, lượng khí thải CO₂ trên mỗi đơn vị GDP; tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đô thị.

Giả thuyết H2: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Cụ thể các chỉ tiêu cần đánh giá: Tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP bình quân; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp; tỷ lệ che phủ rừng ổn định; tổng diện tích cây trồng cận có tuổi được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Giả thuyết H3: Xây dựng lối sống xanh kết hợp với nếp sống đẹp truyền thống để tạo nên đời sống chất lượng cao hòa hợp với thiên nhiên. Thực hiện đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới đảm bảo các mục tiêu tăng

trường xanh, bền vững; tạo lập văn hóa tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới.

Cụ thể các chỉ tiêu cần đánh giá: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom; tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng; tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng sạch; tỷ lệ mua sắm công xanh;

Giả thuyết H4: Nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu, đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh.

Cụ thể các chỉ tiêu cần đánh giá: Chỉ số phát triển con người (HDI); xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí; tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch.

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA KINH TẾ XANH TẠI HUYỆN HẢI HẬU – NAM ĐỊNH

3.1 Kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của Phát triển kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, dưới góc độ lý thuyết, có thể liệt kê một số nhân tố liên quan trực tiếp như công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, thay đổi thói quen, hành vi sinh hoạt, lối sống của người dân; sự cam kết vào cuộc của các doanh nghiệp; các hoạt động đầu tư cho giáo dục đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; các hoạt động đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu phát triển công nghệ mới, năng lượng mới và công tác bổ sung hoàn thiện khung pháp lý cũng như hệ thống chính sách phát triển kinh tế xanh của Nhà nước.

Nền kinh tế xanh rất quan trọng cho sự phát triển bền vững vì nó đưa ra con đường hướng tới việc đạt được các mục tiêu về môi trường, xã hội và kinh tế cùng một lúc. Bằng cách thúc đẩy tính bền vững và bảo vệ môi trường, nền kinh tế xanh có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường, như ô nhiễm không khí và nước, nạn phá rừng và biến đổi khí hậu. Đồng thời, nền kinh tế xanh cũng có thể thúc đẩy phúc lợi kinh tế và xã hội bằng cách tạo ra cơ hội việc làm mới, cải thiện sức khỏe cộng đồng, giảm nghèo đói và bất bình đẳng. Hơn nữa, nền kinh tế xanh còn có thể giúp xây dựng khả năng phục hồi trước các cú sốc về môi trường và kinh tế, như thiên tai, khan hiếm tài nguyên và suy thoái kinh tế. Bằng cách thúc đẩy hiệu quả sử dụng tài nguyên, nền kinh tế xanh có thể giúp giảm sự phụ thuộc vào nguồn tài nguyên hữu hạn và giảm thiểu chất thải và ô nhiễm. Điều này có thể giúp tạo ra một hệ thống kinh tế bền vững và công bằng hơn, được trang bị tốt hơn để giải quyết những thách thức của thế kỷ mới

3.1.1 Nhận thức của người dân

Huyện Hải Hậu nâng cao nhận thức người dân về kinh tế xanh bằng công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán

bộ, đảng viên và nhân dân, để người dân ở nông thôn nhận thức rõ: Phát triển kinh tế xanh là làm cho chính mình, nhân dân là người hưởng thụ; người dân ở nông thôn phải là chủ thể chính trong xây dựng và thụ hưởng thành quả mà kinh tế xanh mang lại. Phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức đảng; vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể tạo niềm tin, sức lan tỏa, chỗ dựa vững chắc cho nhân dân làm theo. Chủ động, sáng tạo lựa chọn bước đi, cách làm phù hợp, lựa chọn khâu đột phá vào các tiêu chí khó; tiêu chí chủ đạo quyết định trong phát triển kinh tế xanh và trong phát triển kinh tế - xã hội vừa đáp ứng yêu cầu chung vừa phải phù hợp với phong tục tập quán để người dân đứng là chủ thể thực hiện. Coi trọng phát huy dân chủ, đồng thuận của nhân dân trong quá trình thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động kinh tế xanh (trong 2 năm 2023, 2024 Hải Hậu đã có 100% xã, thị trấn tổ chức đối thoại với nhân dân); chăm lo phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế - văn hóa xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân và phát triển kinh tế xanh cho địa phương.

Nhận thức là quá trình tiếp thu, học hỏi các kiến thức, thông tin về mọi lĩnh vực đời sống. Nhờ vào nhận thức mà con người có thể dễ dàng nắm bắt được bản chất của các sự việc, hiện tượng xoay quanh cuộc sống. Có 2 giai đoạn của nhận thức đó là nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác, biểu tượng) và nhận thức lý tính (khái niệm, phán đoán, suy luận). Khi nhận thức đúng và đủ sẽ giúp cho con người thu thập được nguồn thông tin tích cực, đánh giá và làm sáng tỏ được sự việc, sự vật, tính hướng và nhờ đó mà hình thành nên những hành vi, thái độ ứng xử phù hợp với từng hoàn cảnh khác nhau. Sau hơn 10 năm kể từ thời điểm chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh được phê duyệt lần đầu tiên, mặc dù chuyên đổi xanh, tăng trưởng xanh là nội dung quan trọng luôn được Đảng, Nhà nước ta xác định trong các văn kiện hoạch định đường lối về phát triển kinh tế - xã hội đất nước, song có thể nói khái niệm này đến nay vẫn còn tương đối mới, đặc biệt là trong nhận thức của nhiều tầng lớp người dân trong xã hội. Sự nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc trong xã hội về vấn đề quan trọng này đặt ra những yêu cầu cấp thiết cho công tác thông tin và tuyên truyền. Các cơ quan chuyên

trách cần phải xây dựng nhiều kịch bản, lên kế hoạch truyền thông cụ thể theo từng giai đoạn, lựa chọn phương thức phù hợp tiếp cận với từng lớp đối tượng khác nhau để phổ biến kiến thức về kinh tế xanh, tầm quan trọng của phát triển xanh, phát triển bền vững để đạt được mục tiêu thay đổi trong nhận thức của người dân. Từ đó, khi mỗi người đều có được sự hiểu biết đúng đắn, một thái độ tích cực sẽ hướng con người đến việc tự ý thức điều chỉnh hành vi, thực hiện thay đổi thói quen sinh hoạt cá nhân, không những vậy còn giúp lan tỏa hành động của mình đến những người thân xung quanh, góp phần hình thành nên nhiều cộng đồng cùng sẵn sàng thay đổi, cùng hành động xanh, tiêu dùng xanh, để hướng đến một cuộc sống xanh.

3.1.2. Cam kết của doanh nghiệp

Hiện nay, toàn huyện Hải Hậu có 35 doanh nghiệp đầu tư tại 3 cụm công nghiệp²⁶, thu hút trên 8.000 lao động, trong đó có 5 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động hiệu quả. Ngoài ra còn có các doanh nghiệp lớn ở ngoài cụm công nghiệp: Công ty TNHH VIET POWER tại xã Hải Tân, Công ty TNHH Smart Shirt Garments tại xã Hải Hà, Công ty MVE Technology Co, Ltd tại xã Hải Thanh,... Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tiếp tục đổi mới công nghệ sản xuất chuyên dần theo hướng hiện đại, giảm ô nhiễm môi trường. Điều khoản trong cam kết dùng để điều chỉnh hành vi của các bên từ thời điểm ký kết hợp đồng cho đến khi giao dịch hoàn tất hoặc thậm chí là các nghĩa vụ sau khi giao dịch được hoàn tất. Chuyển đổi xanh trong giai đoạn này không chỉ là những cam kết chính trị ở tầm chiến lược, tầm nhìn quốc gia, chuyển đổi xanh đã và đang trở thành đòi hỏi tất yếu của thị trường, là câu chuyện, chủ đề nóng của tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Những hành động cụ thể của doanh nghiệp xanh được thể hiện từ khâu lựa chọn vật liệu xây dựng công trình, nhà máy xanh, đảm bảo thảm cỏ xanh, diện tích trồng cây xanh trong khuôn viên (hạn chế bức xạ), 100% người lao động trong doanh nghiệp hình thành thói quen sử

²⁶ Gồm: Cụm công nghiệp Hải Phương 21,2 ha, Cụm công nghiệp Hải Minh 3,9 ha, Cụm công nghiệp Thịnh Long 5,8 ha

dụng tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà (điện, nước,...), tận dụng tối đa nguồn năng lượng tái tạo (lắp đặt hệ thống pin mặt trời trên mái các tòa nhà), quản lý xử lý nguồn phát thải theo tiêu chuẩn, sử dụng nguồn nhiên liệu sạch (CNG, Biomass, mặt trời, gió...) thay cho than, dầu..., lựa chọn các nhà cung cấp nguyên liệu sản xuất cũng theo đuổi lộ trình hướng tới phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Tiên phong trong chuyển đổi xanh sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng là người đi đầu cũng sẽ có được nhiều những lợi ích, ngoài giá trị tự thân do kinh tế xanh mang lại, doanh nghiệp chuyển đổi xanh nếu nắm vững quy định và có công nghệ tốt sẽ có thể dễ dàng tiếp cận với nguồn tín dụng xanh dồi dào. Hiện nay nhiều tổ chức quốc tế trên thế giới, các ngân hàng trong nước và ngân hàng ở nước ngoài cũng rất quan tâm đến vấn đề tạo ra tín dụng xanh. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở huyện Hải Hậu nói riêng tranh thủ nhận được các gói hỗ trợ, bắt tay vào triển khai lộ trình xanh hóa doanh nghiệp nhằm góp phần to lớn vào việc thực hiện thắng lợi chiến lược quốc gia bởi doanh nghiệp là nòng cốt trên tất cả lĩnh vực sản xuất nhưng cũng là đối tượng phát thải khí nhà kính và tác động tiêu cực đến môi trường nhiều nhất.

3.1.3. Đầu tư cho giáo dục đào tạo

Giáo dục luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng trong bất kỳ thời đại nào. Mang trong mình sứ mệnh giáo dục, đào tạo, phát triển thế hệ công dân hiện tại và tương lai của đất nước, mục tiêu công tác giáo dục đào tạo trong nhà trường là trang bị cho người học kiến thức nền tảng, cập nhật những kiến thức mới, rèn luyện ý thức đạo đức, trau dồi những kỹ năng phẩm chất cần thiết, tạo ra những công dân ưu tú, vừa hồng vừa chuyên cho quốc gia. Điều này đòi hỏi một sự đầu tư đúng mức cho lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023, tiếp tục trong tốp đầu phong trào giáo dục và đào tạo của tỉnh; Huyện Hải Hậu tiếp tục đạt thành tích cao tại các cuộc thi, hội thi, kỳ thi cấp tỉnh²⁷; chất lượng giáo dục toàn diện của

²⁷ Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo xếp thứ 2/10 đơn vị, đạt giải Nhì toàn đoàn; Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp THCS: Đạt 01 giải Nhất Quốc gia (THCS Hải Đường), 03 giải Nhất tỉnh (THCS Hải Đường, thị trấn Cồn, Hải Sơn), 03 giải Nhì tỉnh (THCS Hải Ninh, Hải Phú, Hải Nam), dẫn đầu toàn tỉnh; Thi học sinh giỏi cấp tỉnh, số giải cá

các cấp học tiếp tục được giữ vững và có tiến bộ; chất lượng được nâng lên về phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình, 100% số học sinh lớp 5 hoàn thành các chương trình tiểu học, 99,69% số học sinh tốt nghiệp THCS²⁸. Phối hợp phục vụ tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2023- 2024 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Kết quả thi lớp 10 THPT: Hải Hậu có 2/10 trường THPT có điểm chuẩn cao nhất tỉnh, có 5/10 học sinh có tổng điểm cao nhất tỉnh. Thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 4, 8. Công tác quản lý, giám sát việc thu chi ở các trường học được tăng cường.

- Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia, chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và là huyện đứng trong tốp đầu của tỉnh; đến nay toàn huyện có 103/103 trường đạt chuẩn Quốc gia lần đầu, trong đó có 73/103 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II29 và 102/103 trường đạt chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”³⁰. 34/34 xã có cả 3 cấp học Mầm non, Tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia. Năm 2023 đã công nhận lại 16 trường chuẩn Quốc gia (10 trường đạt chuẩn mức độ 2) và 16 trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo 9 lớp dạy nghề phi nông nghiệp (258 học viên) cho lao động nông thôn theo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới³¹. Liên kết với các trường Cao đẳng, Trung cấp trong và ngoài địa bàn tỉnh để tổ chức tuyển sinh mở đào tạo 17 lớp nghề trình độ trung cấp với 550 học viên,

nhân toàn đoàn gồm 06 giải Nhất, 30 giải Nhì, 53 giải Ba và 40 giải khuyến khích; Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh: Toàn đoàn xếp thứ 2; Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp THCS: Đạt 01 giải Nhất Quốc gia (THCS Hải Đường), 03 giải Nhất tỉnh (THCS Hải Đường, thị trấn Côn, Hải Sơn), 03 giải Nhì tỉnh (THCS Hải Ninh, Hải Phú, Hải Nam), dẫn đầu toàn tỉnh; Tham gia cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” đạt 02 giải Nhì Quốc gia (01 giải Nhì của học sinh THCS Hải Trung và 01 giải Nhì của giáo viên THCS Hải Long); 09 giải Ba quốc gia; Cuộc thi viết với chủ đề “Bác Hồ với Nam Định, Nam Định với Bác Hồ” đạt 01 giải Ba cấp tỉnh; Tham gia Hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh có: 8 học sinh đạt giải (02 giải Nhất; 02 giải Nhì; 02 giải Ba; 02 KK); Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp tỉnh đạt 03 giải Nhất, 03 giải Nhì,...

²⁸ Loại giỏi đạt 32,12%, khá đạt 45,88%.

²⁹ Gồm: 8/34 trường Mầm non, 30/34 trường Tiểu học, 35/35 trường THCS

³⁰ Gồm: 33 trường Mầm non, 34 trường Tiểu học, 35 trường THCS

³¹ Gồm: Đào tạo nghề May công nghiệp: 8 lớp với 233 học viên; Đào tạo nghề Mộc mỹ nghệ: 1 lớp với 25 học viên.

trong đó các ngành nghề đào tạo gồm: Kỹ thuật nhiệt, Chăm sóc sắc đẹp, Chế biến món ăn, Pha chế đồ uống, Công nghệ thông tin, Công nghệ ô tô, Thương mại điện tử, Hướng dẫn viên du lịch.

Huyện Hải Hậu hiện đã đạt được phổ cập giáo dục bậc tiểu học và trung học cơ sở trên phạm vi cả huyện. Tuy nhiên, trước thực tế gia tăng chóng mặt của hệ thống các trường tư thục các cấp, một nhiệm vụ đặt ra là làm sao có thể rút ngắn khoảng cách, giảm sự khác biệt để đạt được nền giáo dục bình đẳng, thống nhất, hòa nhập trong học tập, chia sẻ trong nghiên cứu. Trong thời đại số hóa, phương pháp giảng dạy hiện đại đã dần thay thế hoàn toàn cho phương pháp giảng dạy truyền thống. Người học đóng vai trò là người học số, tài liệu học tập là tài liệu số, thầy cô là người đồng hành, là người hướng dẫn, định hướng, gợi mở trao đổi những kiến thức để giúp người học có thể phát huy tối đa tính sáng tạo, rèn luyện kỹ năng học tập chủ động, tập hợp xử lý thông tin, giải quyết vấn đề và có được tư duy phản biện. Qua đó đem lại cho người học thái độ tự tin, dễ dàng thích nghi với những thay đổi, sẵn sàng đối mặt, ứng phó linh hoạt, giải quyết được những bài toán hóc búa mà đất nước cũng như các quốc gia trên thế giới đang và sẽ phải gánh chịu. Việc đáp ứng được mục tiêu giáo dục có chất lượng sẽ góp phần vào sự tiến bộ của tất cả các mục tiêu phát triển bền vững khác.

3.1.4. Đầu tư cho công nghệ

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, tác động đến mọi lĩnh vực đời sống, kinh tế, chính trị- xã hội, đầu tư vào công tác nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, từng bước thực hiện chuyển đổi số toàn diện là cơ hội lớn mang lại hiệu quả tăng trưởng xanh, đạt được mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Thực tế cho thấy những năm gần đây, việc áp dụng chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, sử dụng công nghệ mới, thay thế nguồn năng lượng truyền thống bằng nguồn năng lượng tái tạo, xanh, sạch thân thiện với môi trường của cả người dân và các tổ chức, doanh nghiệp đã đóng góp tích cực vào nhiệm vụ bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh. Ngày càng có nhiều tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Theo Techopedia, công nghệ xanh không chỉ tác động tích cực đến nền kinh tế khi cho phép công ty tăng năng suất, đồng thời giảm chi phí mà còn mang lại lợi

ích cho doanh nghiệp và người tiêu dùng thông qua khuyến khích đổi mới và tạo việc làm. Mặc dù nhận thấy rõ tầm quan trọng của công nghệ mới trong việc thực hiện chiến lược xanh, song do đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, tâm lý e ngại, sợ đầu tư không mang lại hiệu quả, mặt khác những khó khăn trong việc giải ngân, cơ chế hoạt động không thu hút được những nhà khoa học giỏi, chuyên gia giỏi của Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài nên công tác R&D công nghệ mới ở Việt Nam, đặc biệt trong các tổ chức, doanh nghiệp còn khá nhỏ giọt.

3.1.5. Khung pháp lý, hệ thống chính sách của Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;

UBND tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

Tỉnh Nam Định nói chung và huyện Hải Hậu nói riêng đã ban hành Kế hoạch nhằm xác định các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm góp phần vào mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội trên địa bàn tỉnh Nam Định; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu trên địa bàn tỉnh như sau:

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính Mục tiêu đến năm 2030: Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014; tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đô thị đạt 60-80%. Mục tiêu đến năm 2050: Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 30% so với năm 2014; tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đô thị đạt 100%. Nước thải đô thị được xử lý phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Xanh hóa các ngành kinh tế Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên

nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030: Tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20%; kinh tế số đạt 30% GDP; tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 2%; ít nhất 30% tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. 2 Mục tiêu chủ yếu đến năm 2050: Tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP bình quân mỗi giai đoạn (10 năm) giảm 1,0%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 25 - 30%; phần đầu kinh tế số đạt 50% GDP; tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 2 - 3%; ít nhất 60% tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững Xây dựng lối sống xanh kết hợp với nếp sống đẹp truyền thống để tạo nên đời sống chất lượng cao hòa hợp với thiên nhiên. Thực hiện đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững; tạo lập văn hóa tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom chiếm 10%; tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định lần lượt đạt trên 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với các loại đô thị còn lại; tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt 5%; tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng sạch đạt 10% số lượng xe buýt mới; tỷ lệ mua sắm công xanh trong tổng mua sắm công đạt ít nhất 35%; tiếp tục triển khai có hiệu quả nhiệm vụ phát triển tăng trưởng xanh theo hướng thông minh, bền vững, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2050: 100% chất thải rắn được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn hữu cơ và chất thải có thể tái chế; 100% các đô thị được xây dựng

đồng bộ và hoàn thiện hệ thống thoát nước, kiểm soát cơ bản tình trạng ngập úng tại các đô thị và 100% các điểm ngập úng có kế hoạch xử lý và 100% nước thải được xử lý phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng đạt ít nhất 15%; tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng sạch đạt ít nhất 40% số lượng xe buýt đầu tư mới; tỷ lệ mua sắm công xanh trong tổng mua sắm công đạt ít nhất 50%.

Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu Nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu, đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030: Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,75; xây dựng và triển khai Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế đạt 100%. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2050: Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,8. Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế đạt 100%.

Đầu tư tăng trưởng xanh đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với đầu tư thông thường. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật chính thức nào quy định tổng thể, đồng bộ về chính sách phát triển “kinh tế xanh” khiến các doanh nghiệp còn e dè, cầm chừng trong việc thực hiện chuyển đổi xanh. Yêu cầu đầu tiên là cần rà soát các văn bản hiện hành, nhanh chóng bổ sung sửa đổi, ban hành những điều khoản hướng dẫn chuyển đổi cho các tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt ưu tiên các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, môi trường, năng lượng, phát minh sáng chế và xây dựng cơ sở hạ tầng.

3.2 Đánh giá thực trạng của kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu

3.2.1 Thực trạng kinh tế xanh

Kể từ lúc triển khai và thực hiện kinh tế xanh, với sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước cùng với nhận thức của cộng đồng xã hội về tầm quan trọng của kinh tế xanh, cho đến nay kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu đã có những tiến bộ vượt bậc: Hành vi sản xuất và tiêu dùng có nhiều thay đổi đáng kể và được cải thiện tích

cực; ngày càng có nhiều hành động thiết thực đóng góp vào việc phát triển kinh tế xanh; đời sống của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, nhiều khu đô thị nổi lên, đặc biệt là hình thành các vùng nông thôn mới.

Trong giai đoạn 2019-2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện Hải Hậu như sau:

Bảng 2.1. Tốc độ tăng trưởng GDP Hải Hậu giai đoạn 2019-2023

| Năm | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
|-------------------|------|-------|------|------|------|
| TT GDP (%) | 10,5 | 11,07 | 12,1 | 12,7 | 13,0 |

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Hải Hậu

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỉ trọng 40,2%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 36,2%; khu vực dịch vụ chiếm 17,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6,3% (. So với các năm trước đó, cơ cấu kinh tế Việt Nam năm 2021 có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, xu hướng này phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xanh của Chính phủ.

Bảng 2.2. Cơ cấu kinh tế Hải Hậu theo GDP năm 2023

| Khu vực | Tỷ trọng (%) |
|------------------------------------|--------------|
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 40,2 |
| Công nghiệp và xây dựng | 36,2 |
| Dịch vụ | 17,3 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 6,3 |

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Hải Hậu năm 2023

Để có được những thành tựu ban đầu trong mục tiêu xanh hóa nền kinh tế, phải kể đến vai trò quan trọng của Chính phủ trong việc tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước nắm bắt kịp thời diễn biến của thị trường trong nước và quốc tế, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cơ quan Nhà nước còn đưa ra nhiều biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng mô hình nông nghiệp xanh, phát triển công nghiệp

xanh, phát triển năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải CO₂ đối với các ngành công nghiệp nặng...

Việc phát triển kinh tế xanh đã có ảnh hưởng tích cực đến lao động trong nước, cơ cấu lao động Việt Nam có xu hướng chuyển dịch rõ nét theo hướng phi nông nghiệp. Xu hướng này phù hợp với mục tiêu xanh hóa nền kinh tế, góp phần bổ sung và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho việc ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế quốc gia.

Trước những tác động của biến đổi khí hậu và các nguồn tài nguyên dần cạn kiệt, chuyển đổi mô hình kinh tế xanh đang là xu hướng tất yếu của sự phát triển. Thời gian qua, các cấp, ngành và các doanh nghiệp trong huyện Hải Hậu Nam Định đã quan tâm phát triển theo hướng kinh tế xanh, gắn cơ cấu lại nền kinh tế với các mô hình tăng trưởng xanh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ (KH-CN) và đổi mới sáng tạo. Đây được xem là một trong những giải pháp hữu hiệu trong việc bảo vệ môi trường sống, tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xác định mục tiêu “Hành động về tăng trưởng xanh góp phần vào mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội trên địa bàn tỉnh; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu”³². Qua đó đã góp phần cung cấp cơ sở khoa học khẳng định quan điểm, định hướng, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế xanh; đồng thời đánh giá những kết quả đạt được, những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam nói chung và huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nói riêng; dự báo những yếu tố tác động, đề xuất phương hướng, giải pháp thực hiện có hiệu quả mô hình kinh tế xanh và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh trong thời gian tới. Những năm qua, các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ được ứng dụng nhanh, rộng rãi, có hiệu quả và bền vững với các công nghệ mới, công nghệ xanh, sạch vào các lĩnh vực của

³² UBND tỉnh Nam Định (2023), Kế hoạch số 113/KH-UBND “Hành động về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh Nam Định” ngày 16/8/2023.

tính; ngăn chặn công nghệ lạc hậu, công nghệ có hại đến sức khỏe con người và tài nguyên môi trường, phục vụ phát triển kinh tế xanh của huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

a) Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn, các nghiên cứu, ứng dụng để hướng tới sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, an toàn; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị; thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Điển hình là một số nhiệm vụ KHCV: “Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo hướng hữu cơ, sử dụng công nghệ sinh học thay thế thuốc kháng sinh và hóa chất ở Thịnh Long, Hải Lý, Hải Triều... thuộc huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định”; “Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất rau theo hướng hữu cơ và tổ chức sản xuất liên kết tại huyện Hải Hậu”; “Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất probiotic – đa enzyme và ứng dụng bổ sung trong thức ăn nuôi thủy sản, xử lý môi trường nuôi nhằm tăng hiệu quả kinh tế và đảm bảo tính bền vững tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định”.

Toàn huyện có 75 Hợp tác xã nông nghiệp tại 34 xã, thị trấn³³, tăng 3 hợp tác xã so cùng kỳ năm 2022, trong đó 66 HTX hoạt động tốt và khá. Một số HTX dịch vụ nông nghiệp tích cực mở rộng phương án sản xuất kinh doanh, liên kết với các doanh nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị, đem lại lợi nhuận cao cho các thành viên của Hợp tác xã. Trong đó, huyện xác định các sản phẩm chủ lực, thế mạnh gồm: Lúa chất lượng cao, lúa đặc sản, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, tôm, cây dược liệu và các sản phẩm thủy sản chế biến. Trên cơ sở đó lập quy hoạch phát triển các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp chủ lực; khuyến khích tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ lực và nhân rộng các chuỗi liên kết hiệu quả. Phát triển sản phẩm OCOP mới, đảm bảo mỗi xã, thị trấn có ít nhất 1 chuỗi liên kết hiệu quả, bền vững và có ít nhất 1 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên;

³³ Gồm: 42 HTX dịch vụ NN; 10 HTX NT thủy sản; 6 HTX SX và CB dược liệu; 4 HTX KT hải sản; 4 HTX chăn nuôi; 4 HTX SX và CB nông sản; 3 HTX dịch vụ môi trường; 2 HTX dịch vụ tổng hợp

đồng thời nâng cấp một số sản phẩm OCOP hiện có để đạt tiêu chuẩn 5 sao. Tiếp tục chuyển đổi nhanh, hiệu quả cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch. Xây dựng và nhân rộng nhanh mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, an toàn. Ứng dụng nhanh, đồng bộ cơ giới hóa vào các khâu sản xuất chủ yếu.

+ Lâm nghiệp, thủy sản: Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp - thủy sản ước đạt 3.810 tỷ đồng (tăng 3,31% so với năm 2022).

HTX nuôi trồng thủy sản Hải Điền (xã Hải Chính) tập trung nuôi tôm, cá, cua nước mặn và nước lợ trên diện tích gần 13ha. Phát huy vai trò của mô hình HTX kiểu mới, HTX chú trọng hỗ trợ thành viên trong việc cung cấp các dịch vụ đầu vào và đầu ra.

Hình 2.1: Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Hải Điền



Nguồn: Sưu tầm của tác giả năm 2024

Ngoài bán thủy sản tươi sống, HTX còn đầu tư máy móc thực hiện chế biến với công suất 1-2 tấn/ngày. Hoạt động sản xuất của HTX không chỉ phát huy được thế mạnh vùng ven biển mà còn tạo việc làm và thu nhập cho khoảng 30 lao động địa phương.

Tận dụng lợi thế của mô hình HTX kiểu mới, HTX Dịch vụ Nông nghiệp Kiên Trung (xã Hải Hưng) được giao quản lý 220 ha đất nông nghiệp.

Hiện, HTX tập trung vào các dịch vụ thiết yếu như: dịch vụ làm đất, thủy nông, dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, trong đó, khâu tưới, tiêu nước (dịch vụ thủy nông) được xác định là khâu trọng yếu.

HTX còn ký hợp đồng liên kết sản xuất lúa giống với 2 doanh nghiệp thực hiện sản xuất lúa giống trên tổng diện tích sản xuất trên 25ha. Đến nay, HTX đã cùng địa phương xây dựng 4 cánh đồng mẫu lớn với quy mô 30ha/cánh đồng, tạo thuận lợi cho việc đưa máy móc vào sản xuất, thu hoạch.

Hoạt động của HTX Kiên Trung đã góp phần nâng giá trị thu nhập trên diện tích canh tác đạt từ 125 triệu đồng/ha trở lên, đó bảo đảm cuộc sống của người dân và thành viên.

+ Trồng trọt: Phát triển kinh tế xanh với các nội dung tái cơ cấu nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021- 2025 được triển khai tích cực hiệu quả³⁴. Cơ cấu giống tiếp tục được chuyển dịch theo hướng chất lượng gắn với ổn định năng suất; trong cơ cấu giống lúa đã có trên 90% là các giống chất lượng cao; cơ giới hóa các khâu sản xuất lúa ngày càng phát triển (từ làm đất, gieo cấy đến thu hoạch). Công tác quản lý chất lượng các loại vật tư nông nghiệp thiết yếu được tăng cường. Thị trường giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV, thuốc thú y được kiểm soát thường xuyên, không để xảy ra tình trạng lưu hành vật tư kém chất lượng trên địa bàn huyện. Tổ chức tốt các nhiệm vụ sản xuất vụ Xuân, vụ Mùa và vụ Đông. Tổng diện tích lúa cả năm 19.878 ha, trong đó: vụ Xuân 9.948 ha, năng suất đạt 75,7 tạ/ha; vụ Mùa 9.931 ha, năng suất ước đạt 53,96 tạ/ha; sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 134.166 tấn. Diện tích cây rau màu cả năm đạt 7.308 ha, trong đó: vụ Xuân 2.880 ha, vụ Hè

³⁴ Duy trì hiệu quả 08 mô hình liên kết sản xuất lúa giống, lúa chất lượng cao diện tích đạt 724 ha; Diện tích lúa được bón phân theo hướng hữu cơ, hữu cơ đạt 978 ha; Xây dựng thêm 15 mô hình gieo mạ khay- máy cấy, lũy tiến số máy cấy đến nay toàn huyện có 96 chiếc, diện tích cây bằng máy cấy đạt 2.900 ha; Hình thành mới 12 lò sấy lúa tập trung tại 6 xã; Duy trì 4 chuỗi sản xuất rau, quả theo tiêu chuẩn an toàn, Vietgap; duy trì chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu 255 ha,...

thu 2.650 ha, vụ Đông 1.778 ha. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt năm 2023 đạt 161,5 triệu đồng.

+ Chăn nuôi: Chăn nuôi trên địa bàn tiếp tục phát triển ổn định, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm cơ bản an toàn. Tổng đàn lợn (ước thời điểm 01/01/2024) đạt 99.512 con (bằng 97% so với cùng kỳ năm 2022); đàn gia cầm 1,57 triệu con (tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2022); sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 30.257 tấn (giảm 1,92% so với cùng kỳ năm 2022); giá trị sản phẩm chăn nuôi (giá SS 2010) ước đạt 1.116 tỷ đồng. Toàn huyện có 73 trang trại chăn nuôi (giảm 18 trang trại so với cùng kỳ năm 2022). Kết quả tiêm phòng vụ Xuân và vụ Thu đạt khá³⁵. Tái cơ cấu trong lĩnh vực chăn nuôi tiếp tục được triển khai và áp dụng hiệu quả³⁶.

+ Thủy sản: Hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản diễn ra thuận lợi, với diện tích nuôi trồng 3.134 ha (trong đó: nước ngọt 1.833 ha, nước mặn lợ 1.301 ha) và 629 phương tiện khai thác hải sản với tổng công suất trên 100.000 CV, trong đó có 182 tàu khai thác hải sản xa bờ, có trên 2.000 lao động tham gia khai thác. Lượng con giống đã nuôi thả trong năm đạt trên 770 triệu con (tập trung chủ yếu tôm thẻ chân trắng). Tổng sản lượng thủy sản đạt 44.261 tấn (bằng 98,58% kế hoạch và tăng 5,27% so với năm 2022), trong đó: khai thác đạt 22.133 tấn, nuôi trồng đạt 22.128 tấn. Giá trị sản lượng thủy sản (giá SS 2010) đạt 1.193 tỷ đồng (bằng 98,4% kế hoạch và tăng 4,66% so với năm 2022). Tiếp tục duy trì và nhân rộng nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả³⁷. Đã thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo an toàn cho

³⁵ Kết quả tiêm phòng Vụ Xuân: Tiêm vắc xin dịch tả lợn 28.633 con (đạt 93,9% kế hoạch); tiêm vắc xin LMNM cho đàn trâu, bò, dê, lợn đực giống, lợn nái 8.768 con (đạt 104,1% so với chỉ tiêu kế hoạch); tiêm vắc xin VDNC cho đàn trâu bò 870 con (đạt 103% so với chỉ tiêu kế hoạch), tiêm vắc xin đại cho đàn chó 6.710 con. Vụ Thu: tiêm được 26.273 liều vắc xin cho đàn lợn (đạt 97% chỉ tiêu đợt 1), 8.139 liều vắc xin lở mồm long móng cho đàn lợn nái, lợn đực giống, trâu, bò, dê, 767 liều vắc xin VDNC cho trâu bò (đạt 95,9% chỉ tiêu), 5.910 liều vắc xin Đại cho đàn chó.

³⁶ Gồm: 34 mô hình giảm thiểu chất thải xả ra môi trường, 10 mô hình xây dựng bể lắng và nhà ủ phân, 16 mô hình nhà nuôi lợn tiết kiệm nước, 12 mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận; duy trì có hiệu quả 4 chuỗi chuyên sản xuất trứng gà, trứng vịt, nuôi thỏ và liên kết nuôi lợn theo phương thức gia công tại 22/41 trang trại lợn

³⁷ Gồm: Mô hình nuôi tôm trong bể với tổng số 670 bể (tăng 330 bể so với cùng kỳ năm 2022); mô hình nuôi tôm trong nhà bạt hiện có 60 ao nuôi với tổng diện tích trên 10 ha (tăng 20 ao nuôi so với cùng kỳ năm 2022); mô hình thuần hóa và nuôi cá vược nước ngọt với quy mô trên 05 ha...

người và tàu cá hoạt động trên biển, đặc biệt trong mùa mưa bão. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các chủ tàu cá thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thủy sản năm 2017, các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) và các biện pháp quản lý, giám sát tàu cá. Đến nay toàn huyện có 176/182 tàu khai thác xa bờ đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (6 tàu chưa lắp đặt thiết bị GSHT: 04 tàu đang tạm ngừng hoạt động từ lâu; 02 tàu mới mua từ tỉnh ngoài, hiện đang sửa chữa, chờ thủ tục cấp phép và lắp đặt, kích hoạt thiết bị GSHT). Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng, các điều kiện tiếp đoàn thanh tra EC.

b) Bảo vệ tài nguyên và môi trường

Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học. Tiêu biểu như các nhiệm vụ xây dựng mô hình khôi phục rừng ngập mặn bằng các loại cây có khả năng thích nghi tốt hơn (bần chua, bần không cánh) tại Thị trấn Thịnh Long, xã Hải Lý, xã Hải Hòa ở huyện Hải Hậu. Công tác thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn huyện được thực hiện nghiêm túc theo quy định, góp phần hạn chế tình trạng sử dụng các công nghệ lạc hậu, công nghệ cấm chuyển giao và hệ thống thiết bị máy móc lỗi thời, lạc hậu trong các dự án đầu tư trên địa bàn huyện, phòng ngừa tình trạng nhập “rác công nghệ”, gây thiệt hại nhiều mặt cho kinh tế – xã hội của huyện.

Tăng cường công tác quản lý đất đai và bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp. Chinh trang, nâng cấp toàn diện cảnh quan môi trường theo tiêu chí “sáng - xanh - sạch - đẹp” đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu. Nhân rộng nhanh các mô hình phong trào quần chúng về bảo vệ môi trường hiện có như phân loại, xử lý rác thải tại nguồn, tuyến đường kiểu mẫu, thấp sáng đường quê, cảnh quan môi trường từ gia đình đến xóm, từ xóm đến xã thường xuyên xanh - sạch - đẹp. Hoàn thành nâng cấp tất cả khu xử lý rác thải tập trung cấp xã theo hướng thân thiện với môi trường. Lựa

chọn địa điểm, lập quy hoạch và tổ chức xây dựng từ 1 đến 2 khu xử lý rác thải tập trung cấp huyện hoặc các khu liên xã.

Đồng thời tham gia ý kiến về công nghệ cho các dự án đầu tư: Dự án Tổng kho xăng dầu Trường An của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư phát triển Trường An; Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân (Hải Hậu); Hiện nay, các thiết bị bức xạ ngày càng được ứng dụng nhiều trong các lĩnh vực công nghiệp, y tế nhằm nâng cao hiệu quả song cũng tiềm ẩn những nguy hại cho sức khỏe con người nếu không được sử dụng đúng cách, thực hiện đúng các quy tắc về đảm bảo an toàn bức xạ.

c, Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và TKCN:

- Các ngành, các địa phương triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 19/4/2023 của UBND huyện về tăng cường công tác quản lý đê điều, công trình thủy lợi và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2023.

- Các nhiệm vụ phòng chống thiên tai và TKCN năm 2023 và các phương án (phương án hộ đê toàn tuyến, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, phương án bảo vệ các trọng điểm phòng chống thiên tai năm 2023³⁸) được triển khai đồng bộ, đúng quy định. Hệ thống công trình thủy lợi và các trọng điểm phòng chống thiên tai được tổng kiểm tra trước mùa mưa bão; Tổ chức tốt cuộc diễn tập Phòng chống thiên tai và TKCN tại xã Hải Lý. Các lực lượng chức năng duy trì thực hiện tốt chế độ thường trực PCTT trong mùa mưa bão; Tổ chức tốt các biện pháp ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xử lý, khắc phục các vị trí sạt lở tuyến kè biển trên địa bàn huyện. Tích cực đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh về dự án đầu tư khắc phục, nâng cấp kè du lịch Thịnh Long và một số đoạn đê biển xung yếu.

- Các xã, thị trấn tiếp tục xây dựng, kiện toàn lực lượng xung kích phòng chống thiên tai theo quy định. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng, chống thiên tai năm 2023.

³⁸ 4 trọng điểm gồm: đê, kè Cồn Tròn; đê, kè Hải Thịnh 3; cống 1/5 và Bồi Đòng Gò xã Hải Minh.

d. Công tác xây dựng nông thôn mới (NTM):

- Tích cực thực hiện các nội dung phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM năm 2023 và giai đoạn 2021- 2025. Các cơ quan, đơn vị tích cực hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, đô thị văn minh theo kế hoạch. Đến nay, xã Hải An đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022 (nổi trội về lĩnh vực Văn hóa). Có 30/30 xã cơ bản đạt các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu (trừ chỉ tiêu nước sạch); Thị trấn Yên Định, thị trấn Cồn, thị trấn Thịnh Long đạt và cơ bản đạt tiêu chí đô thị văn minh.

- Tổ chức thẩm định, nghiệm thu các tuyến kênh mương qua khu dân cư được xây dựng, kiên cố trong năm 2022³⁹. Thẩm định các xóm, tổ dân phố nông thôn mới kiểu mẫu và xóm, tổ dân phố văn hóa kiểu mẫu tiêu biểu - năm 2022.

- Chương trình OCOP tiếp tục được quan tâm, triển khai; Tổ chức đánh giá, phân hạng 29 sản phẩm OCOP huyện Hải Hậu đợt 1 năm 2023, kết quả: 21 sản phẩm đã được UBND huyện công nhận và công nhận lại đạt 3 sao; 7 sản phẩm đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị tỉnh thẩm định, công nhận đạt 4 sao; 01 sản phẩm (Du lịch cộng đồng Ecohost) đề nghị tỉnh thẩm định, lập hồ sơ trình Trung ương công nhận đạt 5 sao. Đến nay toàn huyện có 80 sản phẩm OCOP⁴⁰, trong đó có 4 sản phẩm đạt 4 sao.

e. Quản lý Tài nguyên - Môi trường:

- Tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về đất đai, môi trường; đã ngăn chặn kịp thời cơ bản các trường hợp vi phạm đất đai mới phát sinh tại các địa phương. Tuy nhiên vẫn còn vài nơi để phát sinh mới một số trường hợp vi phạm đất đai.

- Thành lập Hội đồng và Tổ công tác giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể huyện Hải Hậu. Chỉ đạo hoàn thành đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại 22 xã, thị trấn theo kế hoạch năm 2022, Khu dân cư

³⁹ Kết quả có 122,1 km kênh mương đủ điều kiện hỗ trợ, trong đó kênh cấp 1, cấp 2 là 59,9 km; chiều dài kênh mương cấp 3 là 62,2 km; vốn tổng kinh phí hỗ trợ là trên 7,86 tỷ đồng.

⁴⁰ Đã trừ đi 17 sản phẩm OCOP đã hết thời hạn công nhận nhưng chưa được công nhận lại.

thương mại Hải Thanh, Khu đô thị Yên Định - Hải Hưng⁴¹ và 100 lô đất tại 11 xã, 323 lô đất tại 20 xã, thị trấn và 02 lô đất tại khu dân cư thương mại Hải Thanh⁴².

- Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất huyện Hải Hậu năm 2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt và phê duyệt bổ sung⁴³; hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn, các cơ quan tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Hoàn thành lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

- Hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất huyện Hải Hậu năm 2024 trình các Sở ngành thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt. Hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn lập hồ sơ Thống kê đất đai năm 2023.

- Tiếp tục rà soát, phân loại, lập phương án xử lý những trường hợp vi phạm đất đai và các trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trong năm cấp 1.012 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đôn điền đổi thửa, lũy kế đến nay đã cấp đổi được 69.953/80.790 GCN (đạt 86,58%).

- Tích cực và quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ GPMB các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, huyện. Kết quả:

+ Dự án Xây dựng tuyến đường bộ ven biển: Đến ngày 15/5/2023 đã bàn giao toàn bộ mặt bằng cho đơn vị thi công.

+ Dự án Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - Lạc Quan - đường ven biển: Đã hoàn thành GPMB đối với diện tích đất nông nghiệp của các hộ dân và đất công do UBND xã quản lý, dự kiến sẽ bàn giao toàn bộ diện tích trong khu dân cư cho đơn vị thi công trước ngày 30/12/2023.

+ Dự án Xây dựng khu đô thị thương mại Cồn - Văn Lý: Đã giải phóng mặt bằng được khoảng 18/20 ha; bàn giao mặt bằng thi công được 14,09 ha và khởi công dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị từ ngày 23/7. Tiếp tục xử lý vướng

⁴¹ Kết quả đấu được 306 lô với giá trị trúng đấu giá là 252,9 tỷ đồng.

⁴² Kết quả đấu được 203 lô, số tiền trúng đấu giá 131,111 tỷ đồng.

⁴³ Tại các Quyết định của UBND tỉnh: Số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2023; số 1455/QĐ-UBND ngày 26/7/2023; số 1634/QĐ-UBND ngày 18/8/2023; số 1935/QĐ-UBND ngày 03/10/2023; số 2173/QĐ-UBND ngày 01/11/2023; số 2235/QĐ-UBND ngày 08/11/2023.

mắc và chi trả tiền GPMB cho một số hộ để chuẩn bị bàn giao các diện tích còn lại cho đơn vị thi công.

+ Dự án Xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân đã hoàn thành GPMB, được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Công ty cổ phần phát triển kỹ thuật xây dựng thuê đất để thực hiện dự án.

+ Dự án Xây dựng khu TĐC và khu dân cư tập trung xã Hải Hưng đã thực hiện chi trả tiền cho 147/154 hộ. Diện tích đã GPMB là 93.013,9 m² trình giao đất đợt 1 để thực hiện dự án là: 91.752,9 m².

+ Dự án Xây dựng khu TĐC và khu dân cư tập trung xã Hải Xuân đã thực hiện chi trả tiền cho 27/28 hộ; đã bàn giao 39.801,0 m² đất (đợt 1) cho đơn vị thi công dự án.

+ Dự án Đoàn Biên phòng Văn lý (Đồn 92)/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định: Đã phê duyệt phương án BTHT GPMB và tổ chức chi trả tiền BTHT GPMB được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường tại các khu xử lý rác thải sinh hoạt và chợ dân sinh. Các xã, thị trấn thường xuyên tổ chức phong trào tổng vệ sinh môi trường, làm đẹp cảnh quan và tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh các mô hình phân loại, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình. Tổ chức thu phí nước thải công nghiệp đối với 26 cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn với số tiền 129,35 triệu đồng.

f, Phát triển Công nghiệp, Xây dựng, Giao thông, Thương mại và Khoa học công nghệ:

- Các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì ổn định sản xuất kinh doanh. Hiện nay toàn huyện có 35

doanh nghiệp đầu tư tại 3 cụm công nghiệp⁴⁴, thu hút trên 8.000 lao động, trong đó có 5 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động hiệu quả. Ngoài ra còn có các doanh nghiệp lớn ở ngoài cụm công nghiệp: Công ty TNHH VIET POWER tại xã Hải Tân, Công ty TNHH Smart Shirt Garments tại xã Hải Hà, Công ty MVE Technology Co, Ltd tại xã Hải Thanh,... Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tiếp tục đổi mới công nghệ sản xuất chuyên dần theo hướng hiện đại, giảm ô nhiễm môi trường. Giá trị sản phẩm ngành công nghiệp (giá SS 2010) ước đạt 7.374 tỷ đồng (tăng 14,74% so với năm 2022).

- Đề xuất bổ sung quy hoạch tỉnh Nam Định và quy hoạch liên vùng Hải Hậu - Giao Thủy các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp⁴⁵. Đã hoàn thiện quy hoạch chung 29 xã; tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Định, thị trấn Cồn, thị trấn Thịnh Long đến năm 2040. Tổ chức gắn biển các công trình chào mừng 135 năm ngày thành lập huyện.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư và tiến độ thi công các công trình, dự án trên địa bàn. Tuy nhiên vẫn còn một số dự án bị chậm tiến độ lập thủ tục đầu tư, tiến độ thi công làm ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư. Thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư Dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh và xã Hải Trung; đối với Dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại Hải Trung: UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh: Nhà đầu tư đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chấp thuận Nhà đầu tư theo quy định.

- Hệ thống hạ tầng giao thông tiếp tục được đầu tư nâng cấp, từng bước hoàn thiện. Tổ chức duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông thuộc phạm vi dự án LRAMP; sửa chữa các tuyến đường bị hư hỏng, xuống cấp phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Tổ chức giải tỏa hành lang an toàn giao thông, chỉnh

⁴⁴ Gồm: Cụm công nghiệp Hải Phương 21,2 ha, Cụm công nghiệp Hải Minh 3,9 ha, Cụm công nghiệp Thịnh Long 5,8 ha

⁴⁵ CCN Thịnh Long có diện tích 15,8 ha tại TT. Thịnh Long; CCN Hải Minh có diện tích 5 ha tại xã Hải Minh; CCN làng nghề Hải Vân có diện tích 10,7 ha tại xã Hải Vân; CCN Hải Đông có diện tích 50 ha tại xã Hải Đông,... Khu công nghiệp Nam Hải Hậu I có quy mô 200ha tại xã Hải Đông, Hải Lý; Khu công nghiệp Nam Hải Hậu II có quy mô 100ha tại xã Hải Đông; Khu công nghiệp Hải Nam: Quy mô khoảng 170 ha tại xã Hải Nam; Khu công nghiệp Phúc Hà: Quy mô khoảng 300 ha tại xã Hải Phúc, Hải Hà; Khu công nghiệp Điện năng Hải Hậu: Quy mô khoảng 300 ha tại xã Hải Ninh và Hải Châu;...

trang, làm đẹp các tuyến đường giao thông, đường làng, ngõ xóm và thực hiện các biện pháp kiềm chế tai nạn giao thông.

- Ngành điện tích cực duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống lưới điện và thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn điện ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

- Hoạt động quản lý thị trường; kiểm tra định kỳ, đột xuất về đăng ký kinh doanh, các điều kiện đảm bảo trong kinh doanh, việc niêm yết giá và phát hiện hàng giả, hàng cấm,... được tăng cường.

- Đã kiểm tra, công nhận 493 sáng kiến kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước năm 2022, Giáo dục và Đào tạo năm học 2022- 2023⁴⁶. Hoàn thành dự án “Hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và phát triển thương mại cho các sản phẩm OCOP của huyện Hải Hậu”.

g, Tài chính- Ngân hàng

- Nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, các biện pháp quản lý, điều hành ngân sách năm 2023 theo dự toán và các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo và thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm. Tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 1.672,851 tỷ đồng, đạt 100% dự toán tỉnh giao; trong đó số thu thường xuyên từ kinh tế trên địa bàn đạt 675,6 tỷ đồng, đạt 100% dự toán tỉnh giao và bằng 120% so với năm 2022. Tổng chi ngân sách huyện ước đạt 902,408 tỷ đồng, chi ngân sách xã ước 464,740 tỷ đồng.

- Chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện. Kết quả đã giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách huyện được 136/115 tỷ đồng, bằng 118% kế hoạch.

- Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng và các Quỹ tín dụng đã đảm bảo nguồn tiền mặt cho các nhu cầu chi; đồng thời huy động các nguồn vốn để cho

⁴⁶ Gồm: 71 sáng kiến kinh nghiệm lĩnh vực quản lý nhà; 422 sáng kiến kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo năm học 2022- 2023.

vay, đáp ứng nhu cầu khôi phục, phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ gia đình.

- Trong năm đã cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho 793 hộ với tổng số vốn đăng ký là 80,0 tỷ đồng. Đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 03 Hợp tác xã mới thành lập, 01 Hợp tác xã điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và 01 Hợp tác xã bổ sung ngành nghề kinh doanh.

h. Văn hoá - Xã hội

a. Văn hóa, thể thao, du lịch:

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của dân tộc tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho nhân dân. Đặc biệt đã tổ chức thành công kỷ niệm 135 năm thành lập huyện; tổ chức Ngày hội Văn hoá- Thể thao truyền thống năm 2023 với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực, sôi nổi, đã thu hút trên 5.000 vận động viên, diễn viên, nhạc công tham gia thi đấu, biểu diễn. Tổ chức “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân” thu hút trên 18.000 cán bộ, chiến sĩ, đoàn viên, học sinh và người dân hưởng ứng tham gia; phối hợp với Ủy ban Olympic Việt Nam và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Ngày Olympic - Lễ phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước.

- Các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương được tăng cường, nhất là tuyên truyền, hướng dẫn các nội dung về xây dựng NTM kiểu mẫu, Luật Nghĩa vụ Quân sự, Luật An toàn giao thông...⁽⁴⁷⁾. Cơ bản duy trì thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn theo quy định và hướng dẫn của UBND huyện. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào thể dục thể thao quần chúng.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng xóm văn hóa kiểu mẫu, xóm thông minh ở các xã, thị trấn; có 50 xóm, TDP đăng ký xây dựng văn hóa kiểu mẫu tiêu biểu, đã đưa 56 sản phẩm tiêu biểu lên sàn thương mại điện tử; tổ chức các lớp tập

⁽⁴⁷⁾ Kê vẽ trên 3.800m² khẩu hiệu và tranh cổ động, treo trên 600 băng rôn, cờ phướn..., phát động nhân dân treo trên 90.000 lá cờ Đảng, cờ Tổ quốc; tuyên truyền được 370 chương trình thời sự tổng hợp, 2.800 tin, bài.

huấn nâng cao năng lực, phổ biến kiến thức, kỹ năng số cho các xóm, TDP đăng ký văn hóa kiểu mẫu tiêu biểu. Duy trì và đảm bảo thường xuyên chất lượng hoạt động của Trang thông tin điện tử huyện, đáp ứng tốt yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành của huyện.

- Các nhiệm vụ chuyển đổi số được thực hiện tích cực và đạt kết quả khá; đến nay có 100% TTHC đủ điều kiện thuộc thẩm quyền của huyện; Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (8.341 hồ sơ/8.763 hồ sơ) đạt 95,2%; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đối với hồ sơ TTHC phát sinh phí, lệ phí (748 hồ sơ/785 hồ sơ phát sinh), đạt 95,3%,...

- Hoàn thành xây dựng Đề án phát triển du lịch huyện Hải Hậu đến năm 2030, định hướng 2045. Tiếp tục triển khai thủ tục kêu gọi đầu tư các khu, điểm du lịch. Dịch vụ Bưu chính - Viễn thông, hệ thống thông tin liên lạc tiếp tục duy trì ổn định.

i, Y tế

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân; tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp kiểm soát dịch bệnh (dịch sốt xuất huyết, bệnh đau mắt đỏ,...). Trong năm, đã thực hiện khám dự phòng cho trên 294.500 lượt người, khám bệnh tại Trạm y tế xã, thị trấn trên 106.000 lượt người; Bệnh viện Đa khoa huyện đã khám cho trên 258.600 lượt người (đạt 123,1% kế hoạch năm), số bệnh nhân nhập viện trên 40.000 lượt người, thực hiện trên 5.790 ca phẫu thuật, thủ thuật; công suất sử dụng giường bệnh đạt 111,4%.

- Tăng cường công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đã tổ chức kiểm tra, giám sát 855 lượt cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; năm 2023 xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn Công ty TNHH MTV đóng tàu Thịnh Long (không có thương vong về người).

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách về bảo hiểm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế để tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân, bảo hiểm xã hội cho mọi người lao động; Tỷ lệ bao phủ BHYT đến 31/12/2023 ước đạt 95,6% dân số.

j. Giáo dục và Đào tạo:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023, tiếp tục trong топ đầu phong trào giáo dục và đào tạo của tỉnh; Huyện Hải Hậu tiếp tục đạt thành tích cao tại các cuộc thi, hội thi, kỳ thi cấp tỉnh⁴⁸; chất lượng giáo dục toàn diện của các cấp học tiếp tục được giữ vững và có tiến bộ; chất lượng được nâng lên về phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình, 100% số học sinh lớp 5 hoàn thành các chương trình tiểu học, 99,69% số học sinh tốt nghiệp THCS⁴⁹. Phối hợp phục vụ tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2023- 2024 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Kết quả thi lớp 10 THPT: Hải Hậu có 2/10 trường THPT có điểm chuẩn cao nhất tỉnh, có 5/10 học sinh có tổng điểm cao nhất tỉnh. Thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 4, 8. Công tác quản lý, giám sát việc thu chi ở các trường học được tăng cường.

- Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia, chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và là huyện đứng trong топ đầu của tỉnh; đến nay toàn huyện có 103/103 trường đạt chuẩn Quốc gia lần đầu, trong đó có 73/103 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II⁵⁰ và 102/103 trường đạt chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”⁵¹. 34/34 xã có cả 3 cấp học Mầm non, Tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia. Năm 2023 đã công nhận lại 16 trường

⁴⁸ Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo xếp thứ 2/10 đơn vị, đạt giải Nhì toàn đoàn; Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp THCS: Đạt 01 giải Nhất Quốc gia (THCS Hải Đường), 03 giải Nhất tỉnh (THCS Hải Đường, thị trấn Cồn, Hải Sơn), 03 giải Nhì tỉnh (THCS Hải Ninh, Hải Phú, Hải Nam), dẫn đầu toàn tỉnh; Thi học sinh giỏi cấp tỉnh, số giải cá nhân toàn đoàn gồm 06 giải Nhất, 30 giải Nhì, 53 giải Ba và 40 giải khuyến khích; Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh: Toàn đoàn xếp thứ 2; Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp THCS: Đạt 01 giải Nhất Quốc gia (THCS Hải Đường), 03 giải Nhất tỉnh (THCS Hải Đường, thị trấn Cồn, Hải Sơn), 03 giải Nhì tỉnh (THCS Hải Ninh, Hải Phú, Hải Nam), dẫn đầu toàn tỉnh; Tham gia cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” đạt 02 giải Nhì Quốc gia (01 giải Nhì của học sinh THCS Hải Trung và 01 giải Nhì của giáo viên THCS Hải Long); 09 giải Ba quốc gia; Cuộc thi viết với chủ đề “Bác Hồ với Nam Định, Nam Định với Bác Hồ” đạt 01 giải Ba cấp tỉnh; Tham gia Hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh có: 8 học sinh đạt giải (02 giải Nhất; 02 giải Nhì; 02 giải Ba; 02 KK); Thi thiết kế thiết bị dạy học số cấp tỉnh đạt 03 giải Nhất, 03 giải Nhì,...

⁴⁹ Loại giỏi đạt 32,12%, khá đạt 45,88%.

⁵⁰ Gồm: 8/34 trường Mầm non, 30/34 trường Tiểu học, 35/35 trường THCS

⁵¹ Gồm: 33 trường Mầm non, 34 trường Tiểu học, 35 trường THCS

chuẩn Quốc gia (10 trường đạt chuẩn mức độ 2) và 16 trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo 9 lớp dạy nghề phi nông nghiệp (258 học viên) cho lao động nông thôn theo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới⁵². Liên kết với các trường Cao đẳng, Trung cấp trong và ngoài địa bàn tỉnh để tổ chức tuyển sinh mở đào tạo 17 lớp nghề trình độ trung cấp với 550 học viên, trong đó các ngành nghề đào tạo gồm: Kỹ thuật nhiệt, Chăm sóc sắc đẹp, Chế biến món ăn, Pha chế đồ uống, Công nghệ thông tin, Công nghệ ô tô, Thương mại điện tử, Hướng dẫn viên du lịch.

- Hoàn thành các nội dung trình tại Kỳ họp thường lệ và kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất HĐND huyện⁵³. Hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức kỳ họp HĐND nhiệm kỳ 2021- 2026 theo đúng quy định. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

- Xây dựng kế hoạch, phương án sáp nhập và tích cực thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã huyện Hải Hậu giai đoạn 2023-2025.

- Ban hành thông báo tuyển dụng và tích cực thực hiện các nhiệm vụ tuyển dụng giáo viên Tiểu học, Mầm non theo kế hoạch. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên THCS, GDTX và nhân viên trường Mầm non, Tiểu học, THCS năm 2023.

- Phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội; số lượng người làm việc cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thuộc UBND huyện năm 2023. Kiện toàn, luân chuyển công chức, viên chức quản lý các trường học theo yêu cầu nhiệm vụ và theo quy định. Điều động và bổ nhiệm Chánh Thanh tra huyện.

- Tổ công tác kiểm tra công vụ của huyện thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ đối với cán bộ, công

⁵² Gồm: Đào tạo nghề May công nghiệp: 8 lớp với 233 học viên; Đào tạo nghề Mộc mỹ nghệ: 1 lớp với 25 học viên.

⁵³ Gồm: Kỳ họp thứ 10, thứ 11, thứ 12 HĐND huyện.

chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn trên địa bàn; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và kết quả thực hiện cải cách hành chính ở các địa phương, đơn vị có chuyển biến rõ nét. Từ đầu năm 2023 đến nay, Bộ phận một cửa của huyện tiếp nhận 33.262 hồ sơ, đã giải quyết 32.223 hồ sơ⁵⁴ (tỷ lệ đúng hạn và trước hạn đạt 100%), còn 1.039 hồ sơ đang trong thời gian giải quyết.

- Phong trào thi đua ở các ngành, lĩnh vực và các xã, thị trấn được duy trì tốt. Xét duyệt, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt thành tích trong các lĩnh vực công tác. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật.

*** Những hạn chế và khó khăn**

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thực trạng phát triển kinh tế xanh ở huyện Hải Hậu còn tồn tại một số hạn chế và khó khăn nhất định, cụ thể:

Thực tế cho thấy, nhận thức của người dân về nền kinh tế xanh vẫn còn khá mới mẻ, chính vì thế rất cần các nhà khoa học, chuyên gia xem xét nghiên cứu và phổ biến kiến thức về phát triển kinh tế xanh từ các nhà lãnh đạo, nhà hoạch định chính sách đến doanh nghiệp và người dân.

Nguồn lực tài chính cho mục tiêu xanh hóa nền kinh tế ở huyện Hải Hậu còn khá hạn chế

Chất lượng nguồn lao động cho nền kinh tế xanh tại Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ khoa học công nghệ cao của chiến lược phát triển kinh tế xanh. So với thế giới thì dây chuyền sản xuất và công nghệ ở huyện Hải Hậu nói riêng và tỉnh Nam Định nói chung phần lớn là công nghệ cũ và lỗi thời, tiêu tốn khá nhiều nhiên liệu và năng lượng. Do đó, việc áp dụng dây chuyền sản xuất hiện đại và công nghệ tiên tiến vào nền kinh tế xanh là thách thức lớn cho huyện Hải Hậu, rất cần có nguồn nhân lực chất lượng cao đảm nhiệm.

⁵⁴ Gồm: 8.305 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, 23.918 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

Về hành lang pháp lý, mặc dù Chính phủ cũng đã ban hành và phê duyệt các chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững theo từng thời kỳ. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật vẫn chưa thật sự đồng bộ, chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định về năng lượng xanh và năng lượng tái tạo; cần ban hành luật mới về phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường... Bên cạnh đó, công tác quản lý thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xanh ở các ngành, vùng và địa phương trên cả nước chưa thật sự liên kết và thống nhất với nhau.

CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH HUYỆN HẢI HẬU.

4.1 Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về phát triển kinh tế xanh

a) Trung Quốc

Kinh tế xanh của Trung Quốc được gắn liền với tăng trưởng kinh tế và suy giảm môi trường. Kế hoạch phát triển quốc gia bao gồm tổng thể các nội dung về tăng trưởng kinh tế, chính sách xã hội và bảo vệ môi trường, có vai trò quan trọng trong việc hướng đến việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh của Trung Quốc. Để phát triển nền kinh tế xanh, Trung Quốc đã đề ra các chính sách cụ thể: Giao thông xanh, tiêu dùng xanh... Giao thông xanh được chú trọng thông qua việc xây dựng thành phố sinh thái carbon thấp nhằm giải quyết vấn đề môi trường và xã hội như ô nhiễm không khí ở các thành phố, giảm thải khí carbon và tiết kiệm năng lượng. Trong những năm gần đây, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành các chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập hệ thống giao thông xanh: vận tải công cộng đô thị, điều chỉnh quy hoạch hệ thống giao thông toàn diện, chiến dịch vận tải xanh, các phương tiện năng lượng mới. Ưu tiên phát triển giao thông công cộng đô thị để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực giao thông, giảm ùn tắc giao thông, thiết lập một xã hội tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, Trung Quốc điều chỉnh hệ thống giao thông toàn diện - Đây là một công cụ chiến lược để phân bổ các nguồn lực vận chuyển và vận động hành lang xanh. Như vậy, giao thông xanh là một phần quan trọng đối với thành phố sinh thái carbon thấp. Các biện pháp cơ bản để phát triển giao thông xanh bao gồm xây dựng các hệ thống đô thị, đường sá, làn xe buýt, làn đường cho xe đạp, làn đường dành cho người đi bộ... Tuy nhiên, không có mục tiêu cụ thể về tiết kiệm năng lượng và giảm thải carbon cũng như thiếu các phương tiện vận tải xanh và việc đánh giá các biện pháp giao thông xanh. Tiêu dùng xanh được thực hiện và thúc đẩy tốt như trong việc phổ biến đồ gia dụng xanh, ô tô năng lượng mới. Đối với đồ gia dụng, trên sản phẩm có nhãn năng lượng rõ ràng, người tiêu dùng sản phẩm được trợ cấp tiết kiệm năng

lượng. Điều này giúp tăng thị phần của sản phẩm tiết kiệm năng lượng, đồ gia dụng xanh.

Sản phẩm được đánh giá qua việc tiêu thụ năm, giá cả, hiệu suất, vòng đời sử dụng và giá thành dùng điện, từ đó chọn ra sản phẩm bán chạy nhất, tiết kiệm năng lượng nhất. Chú trọng việc sản xuất ô tô năng lượng mới, ô tô điện, tiêu chuẩn về pin, tiêu chuẩn an toàn về cửa xe và cửa pin sau va đập, chống nước. Bên cạnh đó, ô nhiễm về môi trường do khí thải từ các nhà máy nhiệt điện là một trong những khó khăn và thách thức phát triển kinh tế xanh.

b) Đức

Mô hình phát triển kinh tế xanh ở Đức là sự hài hòa giữa bảo vệ tài nguyên và môi trường, khí hậu với phát triển kinh tế và công bằng xã hội. Chính phủ khuyến khích hỗ trợ nền kinh tế xanh tạo ra việc làm xanh, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Các chính sách tăng trưởng xanh ở Đức được phát triển trên nền tảng thực hiện phát triển bền vững phối hợp với các chính sách khí hậu nhằm thực hiện các mục tiêu tham vọng về giảm phát thải khí nhà kính của mình, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua các chính sách phát triển năng lượng tái tạo. Đức đang thực hiện việc chuyển đổi hệ thống năng lượng của mình và đã đặt ra mục tiêu đầy tham vọng trong việc giảm lượng khí thải: giảm phát thải khí nhà kính tác động 40% vào năm 2020, 55% vào năm 2030, 70% vào năm 2040 và mục tiêu giảm phát thải 80-95% vào năm 2050. Đức là một trong những nước điển hình về việc mở rộng khai thác và sử dụng hiệu quả năng lượng tái tạo. Những lợi ích kinh tế của việc phát triển năng lượng tái tạo thực sự ấn tượng, chỉ riêng ngành năng lượng tái tạo đã tạo ra khoảng 340.000 việc làm, hầu hết từ năng lượng sinh khối, năng lượng gió và năng lượng mặt trời so với ngành công nghiệp than non chỉ tạo ra 50.000 việc làm từ các hoạt động khai thác mỏ cho tới các nhà máy điện. Chính sách giá ưu đãi năng lượng tái tạo được lồng ghép vào trong khung chính sách năng lượng và khí hậu nhằm thúc đẩy các công nghệ sử dụng hiệu quả năng lượng và năng lượng tái tạo, bao gồm các luật khuyến khích các nhà máy điện và nhiệt điện, hệ thống buôn bán

phát thải, cải cách thuế năng lượng, và một số biện pháp khác. Khuyến khích hạ tầng xanh được triển khai sáng tạo và ứng dụng công nghệ xanh nhằm cải thiện môi trường đô thị. Các công nghệ này cũng có thể là hạ tầng xanh hoặc phát triển các-bon thấp, bao gồm các công nghệ mái nhà xanh, mặt tiền xanh và vỉa hè có khả năng thấm thấu. Những sáng tạo được mô phỏng dựa trên quá trình tự nhiên của đất và thực vật nhằm cung cấp “dịch vụ môi trường” như quản lý nước mưa sau bão, làm mát đô thị và nơi cư trú, thậm chí có thể áp dụng ở các khu vực đô thị mật độ dân cư đông. Bên cạnh đó, Chính quyền liên bang, các bang và các cấp cơ sở ở Đức xác định thực hiện phát triển hệ thống giao thông xanh, bền vững, khuyến khích gia tăng nhu cầu sử dụng xe ô tô nhỏ ít gây ô nhiễm môi trường.

4.2. Bài học kinh nghiệm phát triển kinh tế xanh cho Việt Nam

Những điểm nổi bật phát triển kinh tế xanh của Trung Quốc và Đức rút ra bài học cho Việt Nam như sau: Thứ nhất, theo kinh nghiệm của Trung Quốc để phát triển kinh tế xanh cần nâng cao tuyên truyền và nhận thức trong cộng đồng bằng các chương trình và chiến lược cụ thể: thực hiện một số biện pháp nhằm thúc đẩy giao thông xanh, tiêu dùng xanh... sẽ đem lại tác động cụ thể tới cộng đồng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Mặt khác, sự chuyển biến mạnh mẽ về tư duy liên quan tới bảo vệ môi trường và kinh tế xanh. Sự thay đổi và phát triển tư duy tập trung phát triển ngành và lĩnh vực có tiềm năng phát triển kinh tế xanh, thực hiện thí điểm chính sách kinh tế xanh ở một địa phương sau đó rút kinh nghiệm và nhân rộng nhiều địa phương khác, điều chỉnh cho phù hợp. Các tỉnh Hải Phòng, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Quảng Nam, Cần Thơ... có thể phát triển kinh tế xanh trong chiến lược phát triển kinh tế vùng. Bên cạnh đó cần hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ tài chính xanh nhằm phát triển tín dụng xanh, thị trường vốn cho doanh nghiệp, các dự án xanh, phát hành cổ phiếu xanh, trái phiếu xanh, chứng nhận đầu tư xanh... để phát triển kinh tế xanh bền vững. Thứ hai, theo kinh nghiệm của Đức muốn phát triển kinh tế xanh cần phải phát triển bền vững và

chương trình hiệu quả tài nguyên tái tạo năng lượng, giảm hiệu ứng nhà kính, đầu tư phát triển hạ tầng xanh, phát triển hệ thống giao thông xanh bền vững.

Chính sách phát triển kinh tế xanh của Việt Nam

Tại Việt Nam, vấn đề tăng trưởng xanh và phát triển bền vững được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm trong thời gian qua.

Ngày 25/9/2012, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Chính phủ Việt Nam khẳng định: “Tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu”. Mục tiêu chung được Chính phủ đặt ra là “Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội”. Trong đó, có ba nhiệm vụ chiến lược được đề ra: Thứ nhất, giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Thứ hai, xanh hóa sản xuất; Thứ ba, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh là cơ sở pháp lý quan trọng. Như vậy, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh là một nội dung quan trọng trong đường hướng phát triển ở Việt Nam hiện nay.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định, phát triển nhanh và bền vững và phát triển kinh tế xanh: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”.

Ngày ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 cũng đặt ra mục tiêu tổng quát là tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

Chiến lược đặt ra mục tiêu xanh hóa các ngành kinh tế, trong đó nhấn mạnh việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Theo đó, mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; phấn đấu đến năm 2030, cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014; đến năm 2050, cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 30% so với năm 2014.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định nội dung cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021-2030 là thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh các ngành, lĩnh vực, trong đó nhấn mạnh “Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước. Chuyển dịch cơ cấu nội

ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải carbon thấp”.

Tại Phiên toàn thể Diễn đàn cấp cao và Triển lãm về Công nghiệp 4.0 năm 2023 vào ngày 14/6/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nhấn mạnh Đảng, Nhà nước Việt Nam rất coi trọng, xem chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững là những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính phủ Việt Nam cam kết sẽ tích cực đồng hành và hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, tăng cường tăng trưởng xanh, cùng thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm mang lại hòa bình, thịnh vượng chung cho các dân tộc trên thế giới.

Tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26), Việt Nam cam kết sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của chính mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để phấn đấu đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Như vậy có thể thấy rõ chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi xanh đã rất rõ ràng, lộ trình bài bản và quyết tâm mạnh mẽ. Tuy nhiên các yếu tố như thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng khốc liệt, phức tạp và khó lường, thiếu hụt về tài nguyên, năng lượng, trình độ phát triển khoa học và công nghệ còn thấp; sự phát triển của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế có nhiều khó khăn sau đại dịch Covid 19... cũng là thách thức không nhỏ trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và thực hiện cam kết đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Một số giải pháp phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

Sau khi nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam và kinh nghiệm phát triển kinh tế xanh của một số quốc gia, để phát triển kinh tế xanh gắn với phát triển bền vững đất nước một cách toàn diện, vừa đạt mục tiêu tăng

trường kinh tế vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái cho tương lai, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống chính sách về phát triển kinh tế xanh để tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của doanh nghiệp vào nền kinh tế xanh và hưởng lợi từ mô hình này. Xây dựng chiến lược tổng thể về phát triển kinh tế xanh theo từng giai đoạn phát triển của đất nước theo hướng phát triển bền vững, giảm sử dụng nguyên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo. Xây dựng cơ cấu kinh tế xanh với ba trụ cột: nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ thích ứng với xu thế biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dự báo và khắc phục sự cố môi trường; xây dựng cơ chế báo cáo, phản hồi nhanh về môi trường; đưa ra các chế tài xử lý các hoạt động kinh doanh gây tổn hại đến môi trường.

Thứ hai, Chính phủ cần đầu tư nguồn lực nhiều hơn nữa vào phát triển và ứng dụng công nghệ cao, phát triển năng lượng, đặc biệt là trong các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế; đảm bảo cho sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam không vi phạm các quy định về ô nhiễm môi trường, khí hậu.

Thứ ba, cần bồi dưỡng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về phát triển xanh đối với tương lai dài hạn, đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp và của cả nền kinh tế nói chung. Tăng cường tổ chức các hội thảo, diễn đàn khoa học để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về phát triển kinh tế xanh.

Thứ tư, thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước vào quá trình chuyển dịch sang tăng trưởng xanh. Tăng cường hoạt động giao lưu, hợp tác với cộng đồng quốc tế nhằm tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế để đạt được các mục tiêu quốc gia về phát triển xanh. Đây là cơ sở giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm bảo thanh khoản tài chính chuỗi cung ứng, giúp hỗ trợ vốn cho các dự án hạ tầng xanh. Đồng thời, cần tạo điều kiện thuận lợi cho những dự án đầu tư quy mô lớn, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị; cũng như

học tập kinh nghiệm phát triển xanh của các quốc gia tiên tiến để áp dụng vào Việt Nam./.

Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh huyện hải hậu.

1. Nông nghiệp bền vững:

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Tăng cường trồng các loại cây trồng ngắn ngày, có giá trị kinh tế cao, chịu hạn tốt, như: cây dược liệu (đinh lăng), rau màu, hoa quả...

Phát triển nông nghiệp hữu cơ: Khuyến khích nông dân sử dụng phân bón hữu cơ, giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp sạch.

Ứng dụng công nghệ: Áp dụng các công nghệ tưới tiêu tiết kiệm nước, nhà lưới, nhà kính để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Phát triển chuỗi giá trị: Liên kết các hộ sản xuất với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu.

2. Du lịch sinh thái:

Phát triển các điểm du lịch sinh thái: Tận dụng các khu rừng ngập mặn, các bãi biển, các làng nghề truyền thống để phát triển du lịch sinh thái.

Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng: Tổ chức các tour du lịch trải nghiệm cuộc sống của người dân địa phương, các hoạt động thể thao dưới nước, các lễ hội truyền thống.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng: Xây dựng các tuyến đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, các cơ sở lưu trú, ăn uống phục vụ du khách.

3. Năng lượng tái tạo:

Phát triển năng lượng mặt trời: Lắp đặt các hệ thống điện mặt trời trên mái nhà, các công trình công cộng, các trang trại nông nghiệp.

Khuyến khích sử dụng các loại hình năng lượng sạch khác: Như năng lượng gió, năng lượng sinh khối.

4. Xử lý chất thải:

Xây dựng các hệ thống xử lý rác thải: Đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, khuyến khích phân loại rác thải tại nguồn.

Xử lý chất thải nông nghiệp: Ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý chất thải nông nghiệp, chuyển hóa thành phân bón hữu cơ.

5. Tăng cường nhận thức cộng đồng:

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền: Tuyên truyền về tầm quan trọng của kinh tế xanh, các lợi ích của việc bảo vệ môi trường.

Xây dựng các mô hình điểm: Tạo ra các mô hình sản xuất kinh doanh xanh để nhân rộng.

Các giải pháp trên đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân. Bên cạnh đó, cần có những chính sách hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật để khuyến khích các hoạt động sản xuất kinh doanh xanh.

Để đạt được hiệu quả cao, Hải Hậu cần:

Lập kế hoạch chi tiết: Xác định rõ các mục tiêu, các giải pháp cụ thể, thời gian thực hiện và nguồn lực cần thiết.

Đánh giá tác động môi trường: Đánh giá kỹ lưỡng các tác động của các dự án đến môi trường trước khi triển khai.

Xây dựng cơ chế giám sát: Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các hoạt động.

KẾT LUẬN

Hải Hậu đang trên đà phát triển kinh tế xanh một cách tích cực. Dựa trên những thông tin đã cung cấp, có thể rút ra một số kết luận về thực trạng kinh tế xanh tại huyện Hải Hậu như sau:

Tiềm năng lớn: Với vị trí nằm trong Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng và sở hữu nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú, Hải Hậu có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế xanh, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch sinh thái và nông nghiệp hữu cơ.

Các hoạt động tích cực: Huyện đã có những nỗ lực đáng kể trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, khai thác tiềm năng du lịch xanh. Việc chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng cây dược liệu và nuôi trồng thủy sản là một ví dụ điển hình.

Hỗ trợ từ chính sách: Chính quyền địa phương đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia vào các hoạt động kinh tế xanh. Nguồn vốn tín dụng chính sách cũng đã được huy động để hỗ trợ các hộ gia đình chuyển đổi sản xuất.

Thách thức: Bên cạnh những kết quả đạt được, Hải Hậu vẫn còn nhiều thách thức cần phải giải quyết như nâng cao nhận thức của người dân về kinh tế xanh, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải hiệu quả, phát triển hạ tầng du lịch...

Để phát triển kinh tế xanh bền vững hơn, Hải Hậu cần:

Tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển: Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chế biến và bảo quản sản phẩm.

Phát triển thị trường cho sản phẩm xanh: Tạo điều kiện để các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm thủ công mỹ nghệ có cơ hội tiếp cận thị trường rộng lớn hơn.

Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm địa phương: Quảng bá hình ảnh các sản phẩm đặc trưng của Hải Hậu đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Phát triển du lịch bền vững: Khuyến khích du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Cải thiện môi trường đầu tư: Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường.

Hải Hậu đang trên con đường đúng đắn khi lựa chọn phát triển kinh tế xanh. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, huyện cần có những giải pháp đồng bộ, quyết liệt hơn nữa. Việc kết hợp giữa nỗ lực của chính quyền, doanh nghiệp và người dân sẽ góp phần tạo nên một Hải Hậu xanh, sạch và đẹp.

KIẾN NGHỊ

Kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xanh huyện hải hậu.

1. Nông nghiệp bền vững:

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Tăng cường trồng các loại cây trồng ngắn ngày, có giá trị kinh tế cao, chịu hạn tốt, như: cây dược liệu (đinh lăng), rau màu, hoa quả...

Phát triển nông nghiệp hữu cơ: Khuyến khích nông dân sử dụng phân bón hữu cơ, giảm thiểu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp sạch.

Ứng dụng công nghệ: Áp dụng các công nghệ tưới tiêu tiết kiệm nước, nhà lưới, nhà kính để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Phát triển chuỗi giá trị: Liên kết các hộ sản xuất với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu.

2. Du lịch sinh thái:

Phát triển các điểm du lịch sinh thái: Tận dụng các khu rừng ngập mặn, các bãi biển, các làng nghề truyền thống để phát triển du lịch sinh thái.

Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng: Tổ chức các tour du lịch trải nghiệm cuộc sống của người dân địa phương, các hoạt động thể thao dưới nước, các lễ hội truyền thống.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng: Xây dựng các tuyến đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, các cơ sở lưu trú, ăn uống phục vụ du khách.

3. Năng lượng tái tạo:

Phát triển năng lượng mặt trời: Lắp đặt các hệ thống điện mặt trời trên mái nhà, các công trình công cộng, các trang trại nông nghiệp.

Khuyến khích sử dụng các loại hình năng lượng sạch khác: Như năng lượng gió, năng lượng sinh khối.

4. Xử lý chất thải:

Xây dựng các hệ thống xử lý rác thải: Đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải, khuyến khích phân loại rác thải tại nguồn.

Xử lý chất thải nông nghiệp: Ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý chất thải nông nghiệp, chuyển hóa thành phân bón hữu cơ.

5. Tăng cường nhận thức cộng đồng:

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền: Tuyên truyền về tầm quan trọng của kinh tế xanh, các lợi ích của việc bảo vệ môi trường.

Xây dựng các mô hình điểm: Tạo ra các mô hình sản xuất kinh doanh xanh để nhân rộng.

Các giải pháp trên đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân. Bên cạnh đó, cần có những

chính sách hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật để khuyến khích các hoạt động sản xuất kinh doanh xanh.

Để đạt được hiệu quả cao, Hải Hậu cần:

Lập kế hoạch chi tiết: Xác định rõ các mục tiêu, các giải pháp cụ thể, thời gian thực hiện và nguồn lực cần thiết.

Đánh giá tác động môi trường: Đánh giá kỹ lưỡng các tác động của các dự án đến môi trường trước khi triển khai.

Xây dựng cơ chế giám sát: Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các hoạt động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Đức (2021). Đánh giá thực trạng kinh tế xanh ở Việt Nam. Nhà xuất bản Hà Nội: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 2021.
2. Lê Xuân Sinh (2024), “Giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế xanh cho các xã đảo tại Việt Nam”, Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam, ISSN 2615-9759.
3. Bùi Quang Tuấn (2022), Chiến lược tăng trưởng xanh trong mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Sách chuyên khảo nhà xuất bản Khoa học xã hội
3. Nguyễn Việt Hương và cộng sự (2020), “Nền kinh tế xanh ở Việt Nam: Chính sách và thực tiễn”, Tạp chí kinh tế và kinh doanh, Trường Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 28 số 2.
4. Nguyễn Thị Thu Trang và cộng sự (2020), “Phát triển bền vững ở nông thôn: Đánh giá về nền kinh tế ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học nông nghiệp, Học viện nông nghiệp Việt Nam, tập 2 số 1.
5. Eu rural review 23 (2017), “Green Economy - Opportunities for Rural Europe”, Tạp chí nông thôn EU, số 23, ISSN: 1831-5321.
6. UBND huyện Hải Hậu (2023). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024
7. UBND huyện Hải Hậu (2024). Báo cáo tổng kết vụ Mùa, vụ Đông năm 2023; Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất vụ Mùa, vụ Đông năm 2024.
8. Nguyễn Thị Lan Anh (2021). Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam – thực trạng và giải pháp. Tạp chí Công thương, số 25 tháng 10 năm 2024.
9. Đỗ Phú Hải (2018), “ Những vấn đề lý luận về phát triển bền vững và kinh tế xanh ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý.
10. Phòng thống kê huyện Hải Hậu. Niên giám thống kê huyện Hải Hậu giai đoạn 2019 – 2023.